BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ

BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

Giảng viên hướng dẫn	: Lâm Xuân Đào
Sinh viên thực hiện	: Lê Vũ Hương Trà
Mã số sinh viên	: 2254010005
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHOA KINH TẾ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BỘ MÔN KẾ TOÁN	

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Lê Vũ Hương Trà
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

3. Cán bộ hướng dẫn

TH.S Lâm Xuân Đào

4. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

LỜI CAM ĐOAN

Em cam đoan đây là đề tài nghiên cứu của em. Những kết quả và các số liệu trong khóa luận tốt nghiệp đại học được thực hiện tại Công ty TNHH Vương Thuận. Em hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường về sự cam đoan này.

TP Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

Sinh viên

Trà

Lê Vũ Hương Trà

LỜI CẢM ƠN

Thực tập tốt nghiệp là nhiệm vụ và yêu cầu của sinh viên để kết thúc thời gian đại cương, chuẩn bị cho các năm tiếp theo, đồng thời giúp sinh viên tổng hợp những kiến thức đã học trong ba năm đầu, cũng như chuẩn bị cho việc tiếp thu các môn chuyên ngành phần nào định hình được ngành học mà mình đang theo học.

Sau khi tìm hiểu và làm việc, cùng với sự chỉ bảo tận tình của các anh (chị) nhân viên trong thời gian thực tập tại công ty đã mang lại cho em những kiến thức bổ ích để có thể kiểm tra lại kiến thức đã học ở trường.

Trong suốt quá trình làm bài em đã nhận được nhiều sự hướng dẫn và động viên của Cô Lâm Xuân Đào, vì đây thực sự là một đề tài khó so với khả năng của em nhưng thầy luôn giúp em trong thời gian qua để hôm nay em hoàn thành được bài khóa luận tốt nghiệp đại học của mình, em xin chân thành cảm ơn cô rất nhiều vì sự chỉ bảo nhiệt tình và tâm huyết của thầy dành cho em.

Em xin chân thành cám ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của Công ty TNHH Vương Thuận, em xin cảm ơn ban lãnh đạo công ty đã tạo mọi điều kiện tốt nhất cho em hoàn thành kỳ thực tập và khóa luận tốt nghiệp đại học của mình. Em cũng xin gửi lời cám ơn tới các anh chị trong công ty vì đã giúp đỡ em trong thời gian qua.

Với lòng biết ơn sâu sắc, em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô đặc biệt là các thầy cô ***Khoa Kinh tế - Bộ môn Kế toán*** đã truyền đạt kiến thức quý báu và những kinh nghiệm cho em trong 4 năm qua.

Bước đầu đi vào thực tế, tìm hiểu về lĩnh vực sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, kiến thức của em còn hạn chế và còn nhiều bỡ ngỡ. Do vậy, không tránh khỏi những thiếu sót là điều chắc chắn, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của quý Thầy Cô và các bạn học cùng lớp để kiến thức của em trong lĩnh vực này được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cám ơn!

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN ..... **III**
DANH MỤC CÁC HÌNH ..... **VII**
DANH MỤC SƠ ĐỒ ..... **IX**
LỜI MỞ ĐẦU **1**
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 2
3. Phương pháp nghiên cứu 2
4. Kết cấu đề tài 2
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY **4**
1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác **4**
1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 4
1.1.1.1.Khái niệm 4
1.1.1.2.Chứng từ sử dụng 5
1.1.1.3.Tài khoản sử dụng 5
1.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 7
1.1.2.1 Khái niệm 7
1.1.2.2 Chứng từ sử dụng 7
1.1.2.3 Tài khoản sử dụng 7
1.1.2.4 Phương pháp hạch toán 9
1.1.3 Kế toán thu nhập khác **9**
1.1.3.1 Nội dung 10
1.1.3.2 Chứng từ sử dụng 10
1.1.3.3 Tài khoản sử dụng 10
1.1.3.4. Phương pháp hạch toán 11
1.2 Kế toán chi phí **12**
1.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán 12
1.2.1.1 Khái niệm 12
1.2.1.2 Phương pháp đo lường 12
1.2.1.3 Chứng từ sử dụng 13
1.2.1.4 Phương pháp hạch toán 14
1.2.2 Kế toán chi phí tài chính **14**
1.2.2.1 Nội dung 14
1.2.2.2 Chứng từ sử dụng 15

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng 15
1.2.2.4Phương pháp hạch toán..... 17
1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh..... 18
1.2.3.1 Nội dung..... 18
1.2.3.2 Chứng từ sử dụng 18
1.2.3.3 Tài khoản sử dụng 18
1.2.4 Kế toán chi phí khác..... 20
1.2.4.1 Nội dung..... 20
1.2.4.2 Chứng từ sử dụng 20
1.2.4.3 Tài khoản sử dụng 20
1.2.4.4Phương pháp hạch toán..... 21
1.2.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp..... 21
1.2.5.1 Nội dung..... 21
1.2.5.2 Chứng từ sử dụng 21
1.2.5.3 Tài khoản sử dụng 22
1.2.5.4 Phương pháp hạch toán..... 22
1.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... 22
1.3.1 Nội dung..... 22
1.3.2 Chứng từ sử dụng 23
1.3.3 Tài khoản sử dụng 23
1.3.4 Phương pháp hạch toán 24
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN25
2.1 Thông tin khái quát về Công ty TNHH Vương Thuận..... 25
2.1.1 Thông tin chung về Công ty..... 25
2.1.2Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Vương Thuận25
2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH Vương Thuận 26
2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Vương Thuận..... 26
2.1.4.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận..... 27
2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Vương Thuận..... 27
2.1.5.1 Bộ máy Kế toán của Công ty TNHH Vương Thuận được hình thành như sau: 27
2.1.5.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận..... 28
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Vương Thuận và trình tự luân chuyển chứng từ 29

2.1.6.1 Hình thức ghi sổ kế toán: *29*
2.1.6.2 Hình thức ghi sổ trên máy tính *31*
2.1.7 Chế độ kế toán và các chính sách tài chính 32
2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vương Thuận **32**
2.2.1 Kế toán doanh thu, thu thập khác 32
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty *32*
2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính *46*
2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác *48*
2.2.2 Kế toán chi phí 50
2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán 50
2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính 54
2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 56
2.2.2.4 Kế toán chi phí khác 63
2.2.2.5 Kế toán chi phí thuế TNDN 64
2.2.2.6 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh 72
3.1 Đánh giá về công tác kế toán tại Công ty TNHH Vương Thuận **75**
3.1.1 Nhận xét chung 75
3.1.2 Ưu điểm 76
3.1.3 Nhược điểm 76
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Vương Thuận **78**
KẾT LUẬN **82**
TÀI LIỆU THAM KHẢO **83**

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 2.1 Hóa đơn GTGT số 0010352 34
Hình 2.2: Giao diện chứng từ bán hàng của phần mềm MISA 34
Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 00010257 36
Hình 2.5 Giao diện chứng từ bán hàng theo hóa đơn GTGT số 00010257 37
Hình 2.6 Giao diện Giấy báo có ngân hàng Vietinbank 37
Hình 2.7 Giao diện phiếu thu tiền gửi 38
Hình 2.8 Hóa đơn GTGT số 00000003 39
Hình 2.9 Giao diện chứng từ bán hàng theo hóa đơn GTGT số 00000003 40
Hình 2.10 Phiếu thu tiền mặt theo hóa đơn GTGT số 00000003 40
Hình 2.11 Hóa đơn GTGT số 00000030 41
Hình 2.12 Giao diện chứng từ bán hàng theo hóa đơn GTGT số 00000030 42
Hình 2.13 Trích sổ Nhật ký chung năm 2025 43
Hình 2.14 Sổ chi tiết TK51111 44
Hình 2.15 Sổ chi tiết TK5112 44
Hình 2.16 Sổ chi tiết TK5113 45
Hình 2.17 Sổ cái TK 511 45
Hình 2.18: Trích giấy báo có – Ngân hàng Vietinbank 46
Hình 2.19: Sổ chi tiết tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính 47
Hình 2.20: Sổ cái tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính 48
Hình 2.21: Hóa đơn GTGT số 00000192 49
Hình 2.22 Chứng từ nghiệp vụ khác 50
Hình 2.23 Sổ cái TK 711 50
Hình 2.24 : Giao diện chứng từ bán hàng để lấy phiếu xuất kho trên phần mềm MISA 51
Hình 2.25 Phiếu xuất kho số 61265 theo HĐ số 00010352 52
Hình 2.26 Sổ nhật ký chung năm 2025 53
Hình 2.27 Sổ cái Tài khoản 632 54
Hình 2.28 Giao diện giấy báo nợ của ngân hàng Vietinbank 55

Hình 2.29 Sổ nhật ký chung năm 2025 55
Hình 2.30 Sổ Cái TK 635 – Chi phí tài chính 56
Hình 2.31 Hóa đơn GTGT số 1789 57
Hình 2.32 Giao diện chứng từ mua hàng ở phần mềm 58
Hình 2.33 Bảng lương tháng 1/2025 59
Hình 2.34 Giao diện Khấu hao TSCĐ tháng 1/2025 trên phần mềm Misa 60
Hình 2.35 Bảng tính khấu hao Tháng1/2025 61
Hình 2.36 Trích Sổ nhật ký chung năm 2025 62
Hình 2.37 Sổ cái Tài khoản 6421 62
Hình 2.38 Giao diện ghi giảm tài sản cố định 63
Hình 2.39 Sổ chi tiết tài khoản 811 63
Hình 2.40 Sổ cái TK 811 64
Hình 2.41 Giao diện đăng nhập phần mềm HTTK 65
Hình 2.42 Giao diện phần mềm HTTK 65
Hình 2.43 Giao diện chọn tờ khai thuế 66
Hình 2.44 Giao diện kê khai thuế TNDN 66
Hình 2.45 Giao diện phụ lục 03-1A 67
Hình 2.46 Tờ khai thuế TNDN 70
Hình 2.47 Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh 71
Hình 2.48 Giao diện kết chuyển lãi, lỗ 72
Hình 2.49 Sổ nhật ký chung 73
Hình 2.50 Sổ cái TK 911 73
Hình 2.51 Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 74

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng thông thường.....6

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (bên nhận đại lý).....6

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (Đối với bên giao hàng đại lý).....7

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....9

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán toán thu nhập khác.....11

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.....14

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....17

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....19

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí khác.....21

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN.....22

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh.....24

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Vương Thuận.....27

Sơ đồ 2.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Vương Thuận.....28

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Sổ nhật ký chung tại Công ty TNHH Vương Thuận.....30

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....31

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thế giới ngày càng hội nhập càng tạo ra cho doanh nghiệp thêm rất nhiều cơ hội nhưng cũng không ít những thách thức, song doanh nghiệp nào củng đặt ra mục tiêu hàng đầu là tối đa hoá lợi nhuận, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Để đạt được điều đó đòi hỏi các nhà quản lý phải có những biện pháp thiết thực trong chiến lược kinh doanh của mình. Một trong những chiến lược mũi nhọn của các doanh nghiệp là tập trung vào khâu bán hàng. Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình luân chuyển hàng hoá trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo nguồn thu bù đắp những chi phí bỏ ra, từ đó tạo ra lợi nhuận phục vụ cho quá trình tái sản xuất kinh doanh. Vấn đề đặt ra là làm sao tổ chức tốt khâu bán hàng, rút ngắn được quá trình luân chuyển hàng hoá, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò hết sức quan trọng, là phần hành kế toán chủ yếu trong công tác kế toán của doanh nghiệp, góp phần phục vụ đắc lực hoạt động bán hàng của mỗi doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng nhanh khả năng thu hồi vốn, kịp thời tổ chức quá trình kinh doanh tiếp theo, cung cấp thông tin nhanh chóng để từ đó doanh nghiệp phân tích, đánh giá và lựa chọn các phương án đầu tư có hiệu quả.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Vương Thuận chuyên bán lẻ đồ uống như nước giải khát đóng chai, đóng lon. Sản phẩm của công ty cũng rất đa dạng, bao bì được thiết kế tiện lợi phù hợp mục đích cho người tiêu dùng cũng như thị trường hiện nay. Nhiệm vụ của công ty là đẩy mạnh bán hàng với mục đích cuối cùng là thu được lợi nhuận cao, vì vậy công ty rất chú trọng và quan tâm đến tiêu thụ hàng hóa. Do đó, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm phát triển công ty là một vấn đề quan trọng, rất được công ty chú trọng. Tuy nhiên, vấn đề hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh ở công ty vẫn còn rất nhiều hạn chế.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp, với những kiến thức đã học ở trường, sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn, cùng với sự quan tâm giúp đở của anh chị em trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Vương Thuận, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán của công ty với đề tài: **Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Vương Thuận**

Mục tiêu nghiên cứu

- Mục tiêu chung: Nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Hệ thống cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

+ Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH VƯƠNG THUẬN

+ Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH VƯƠNG THUẬN

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Phạm vi không gian:** Bài khoá luận được nghiên cứu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vương Thuận.
- **Phạm vi thời gian:** Số liệu thu thập giai đoạn 2025.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chứng từ kế toán: Phương pháp thông tin và kiểm tra về sự phát sinh và hoàn thành của các nghiệp vụ kinh tế, qua đó thông tin và kiểm tra về hình thái và sự biến động của từng đối tượng kế toán cụ thể.
- Phương pháp đối ứng tài khoản: Phản ánh sự biến động của tài sản và nguồn vốn sau mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán: Tổng hợp số liệu kế toán từ các sổ kế toán theo các mối quan hệ cân đối vốn có của kế toán nhằm cung cấp thông tin kinh tế tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty.
- Phương pháp quan sát: Dõi theo, nghiên cứu quy trình bán hàng, lưu trữ các biên bản, chứng từ kế toán liên quan.
- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Thu thập thông tin, số liệu từ báo cáo tài chính, sổ sách kế toán do Công ty cung cấp.
- Phương pháp thống kê, tổng hợp và so sánh: Phân tích, tổng hợp các số liệu đã thu thập được để xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

4. Kết cấu đề tài

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, nội dung đề tài được chia làm trong 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vương Thuận.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vương Thuận.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY

1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác.

1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.1.1.1. Khái niệm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán (nếu có)

Doanh thu thuần: là khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Căn cứ tại Điều 57 của Thông tư 133/2016/TT-BTC doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác)
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ

được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT (doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)
- Hợp đồng mua bán
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, chi, giấy báo có
- Chứng từ liên quan khác phụ thuộc vào từng lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.1.3. Tài khoản sử dụng

Căn cứ tại Điều 57 của Thông tư 133/2016/TT-BTC

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản

NỢ	**TK 511**	**CÓ**
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT TTĐB, BVMT) - Các khoản giảm trừ doanh thu - Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản này không có số dư

1.1.1.4. Phương pháp hạch toán

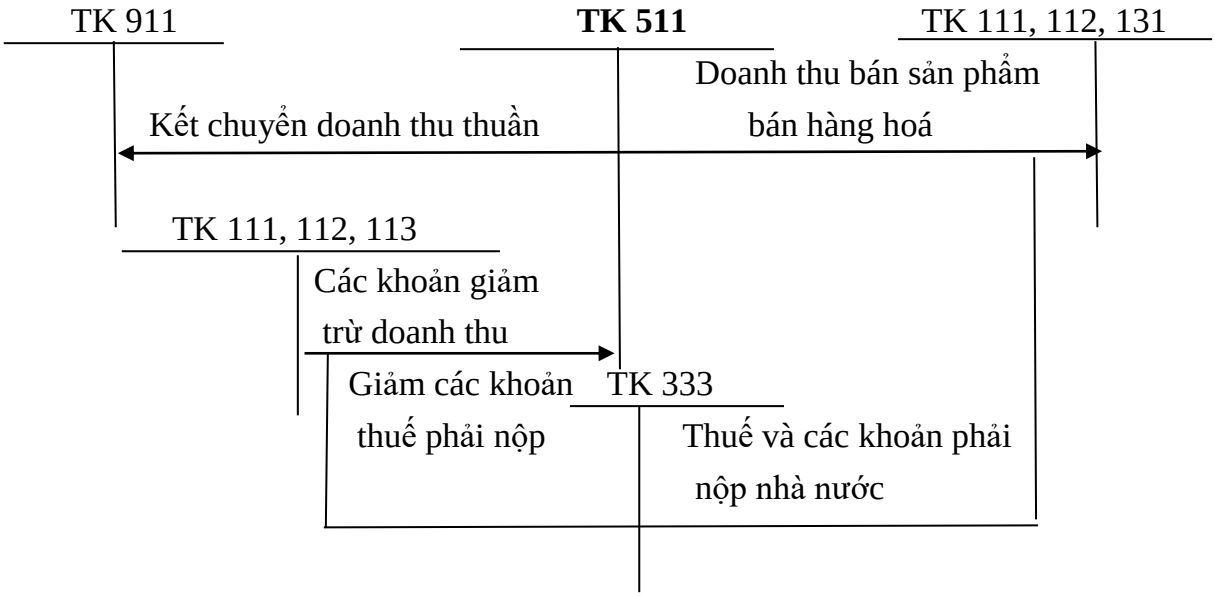

Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng thông thường

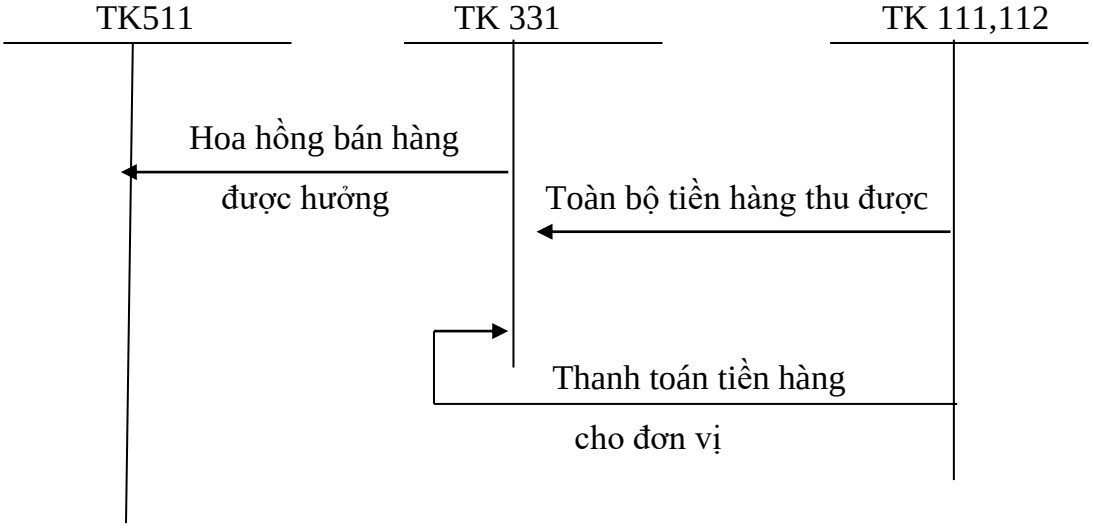

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (bên nhận đại lý)

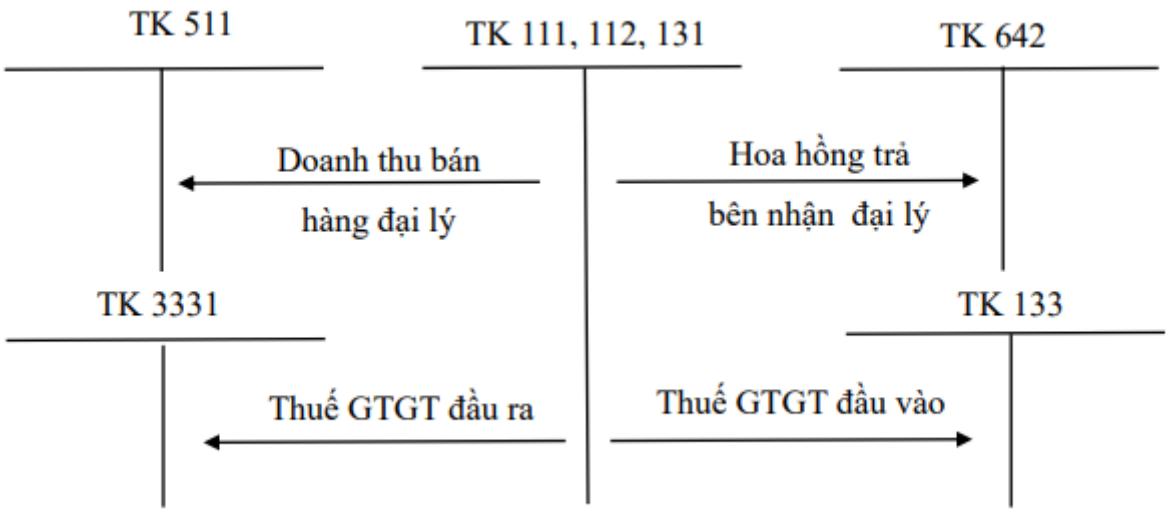

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (Đối với bên giao hàng đại lý)

1.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.2.1 Khái niệm

Tài khoản tài khoản 515 (doanh thu hoạt động tài chính) dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.1.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

1.1.2.3 Tài khoản sử dụng

Theo TT 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính là Tài khoản 515

- Tài khoản 515 – " Doanh thu hoạt động tài chính". Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Kết cấu tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Nợ	**TK 515**	**Có**
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết cấu doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 – " Xác định kết quả hoạt động kinh doanh".		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.1.2.4 Phương pháp hạch toán

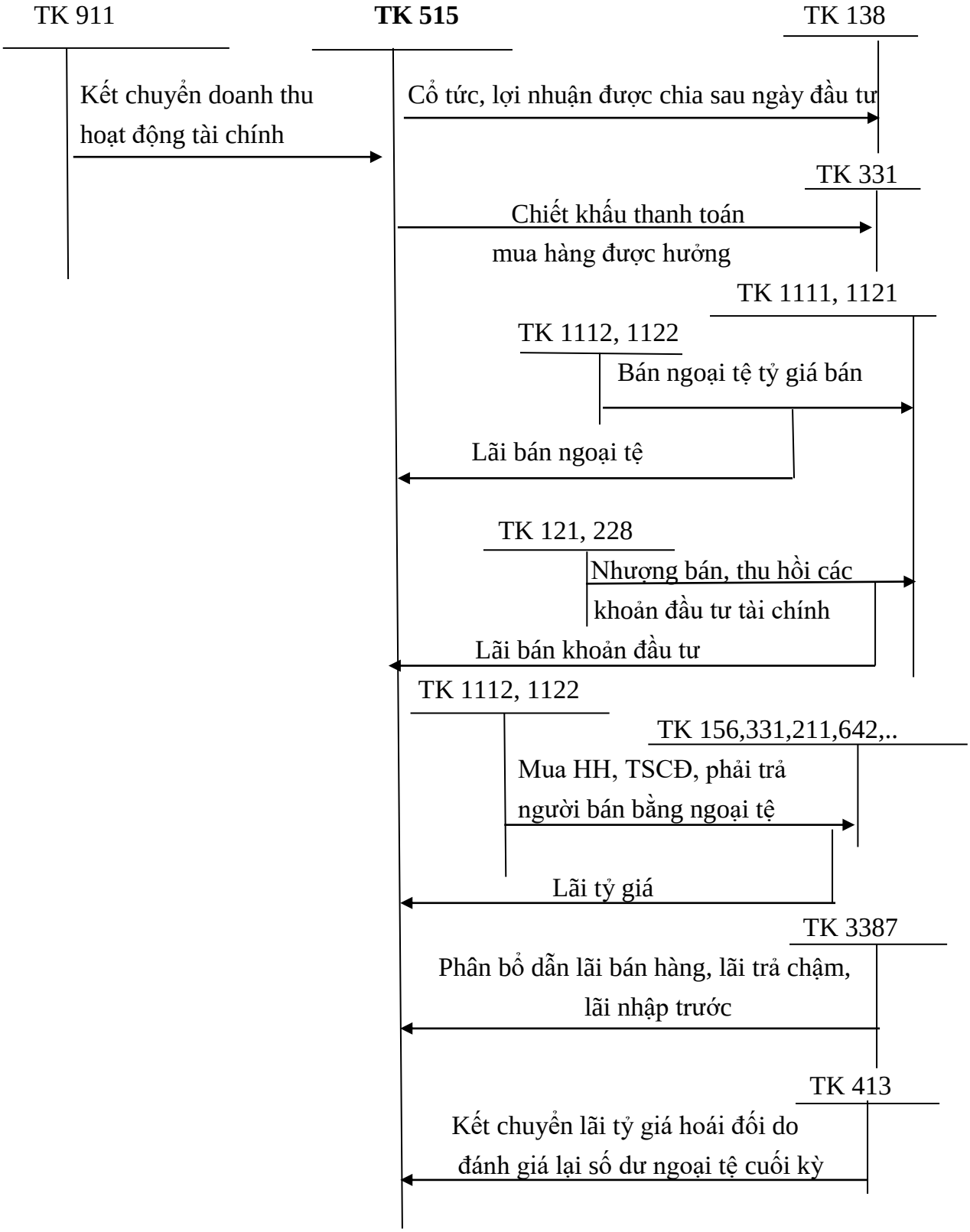

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.3 Kế toán thu nhập khác

1.1.3.1 Nội dung

Theo quy định tại điều 65 của Thông tư 133/2016/TT-BTC

Thu nhập khác là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sỡ hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu thập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng đồng kiểm soát
- Chênh lệch lãi đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đàu tư dài hạn khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.3.2 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ

1.1.3.3 Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 65 của Thông tư 133/2016/TT-BTC

Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Công dụng: Thu nhập khác là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp. Đây là khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- **Kết cấu của TK 711 – Thu nhập khác**

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với kỳ. - Các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh"		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.1.3.4. Phương pháp hạch toán

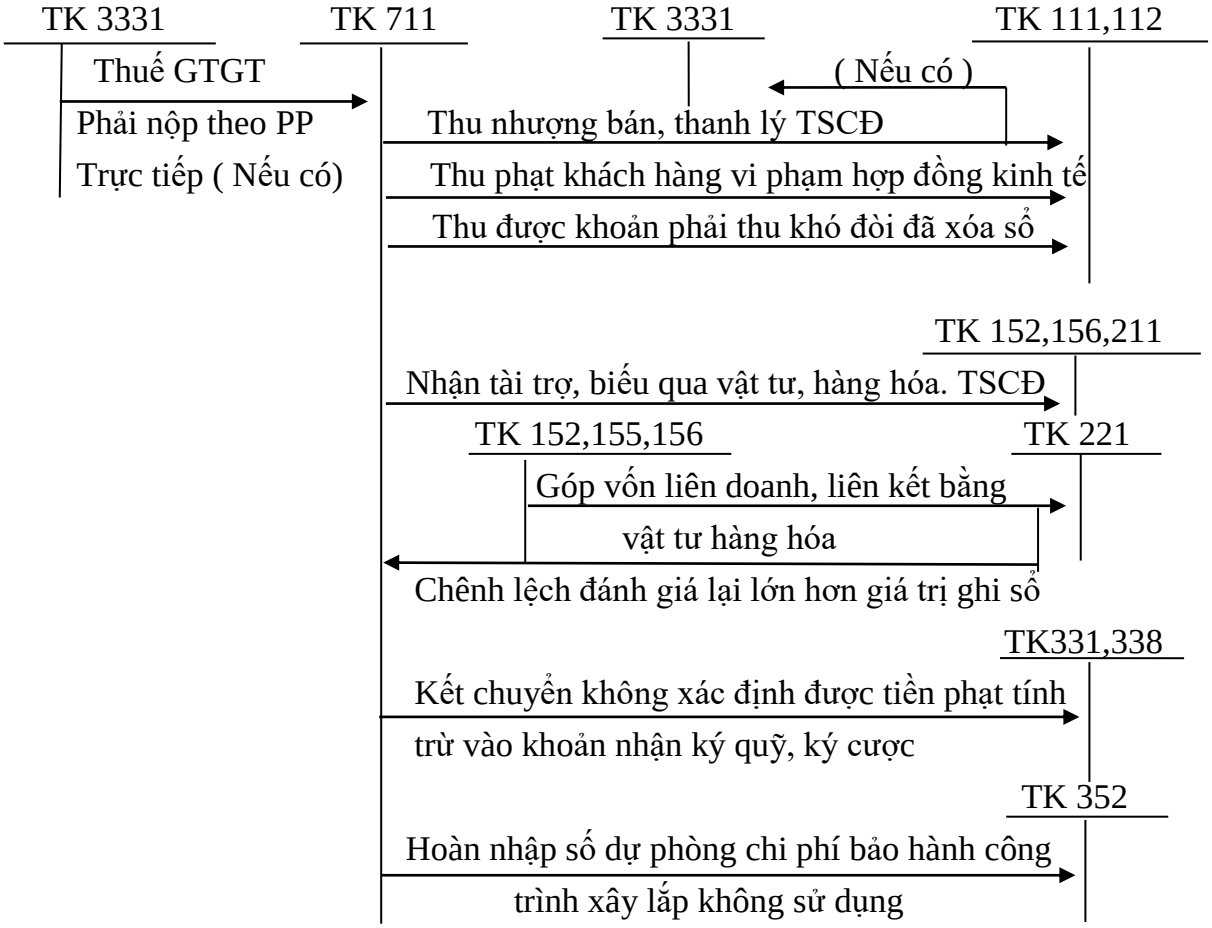

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán toán thu nhập khác

1.2 Kế toán chi phí

1.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.1.1 Khái niệm

Điều 63 của Thông tư 133/2016/TT-BTC

- Giá vốn hàng bán là tất cả các loại chi phí liên quan đến quá trình sản xuất hoặc nhập sản phẩm. Mức giá này bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí vận chuyển hàng hóa,..

1.2.1.2 Phương pháp đo lường

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong "Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho".

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ
- Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

- Phương pháp này được áp dụng trên giả định giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước. Do đó, giá trị hàng hóa xuất kho được tính theo giá nhập kho lần trước rồi mới tính tiếp giá nhập kho lần sau. Như vậy, hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ.

Phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ.

- Phương pháp bình quân cuối kỳ

Giá trị thực tế hàng i xuất dùng	=	Số lượng mặt hàng i tồn kho xuất dùng	x	Đơn giá thực tế bình quân của hàng tồn kho loại i

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn i đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp bình quân thời điểm

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho sau mỗi lần nhập n	=	Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n / Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n / Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n

Giá thực tế mặt hàng i xuất kho	=	Số lượng mặt hàng i xuất dùng	x	Đơn giá thực tế của mặt hàng i sau lần nhập n

Phương pháp thực tế đích danh

- Phương pháp này được áp dụng trong trong trường hợp giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng hàng hóa sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.
- Theo phương pháp này thì hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập của lô hàng đó để tính.

1.2.1.3 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT

❖ **Kết cấu và nội dung TK 632 – Giá vốn hàng bán**

Nợ	**TK 632**	**Có**
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK911 "Xác định kết quả kinh doanh - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Trị giá hàng bán bị trả lại - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ - Các khoản thuế NK, thuế TTĐB, thuế BVMT đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng mà được hoàn lại

Tài khoản này không có số dư

1.2.1.4 Phương pháp hạch toán

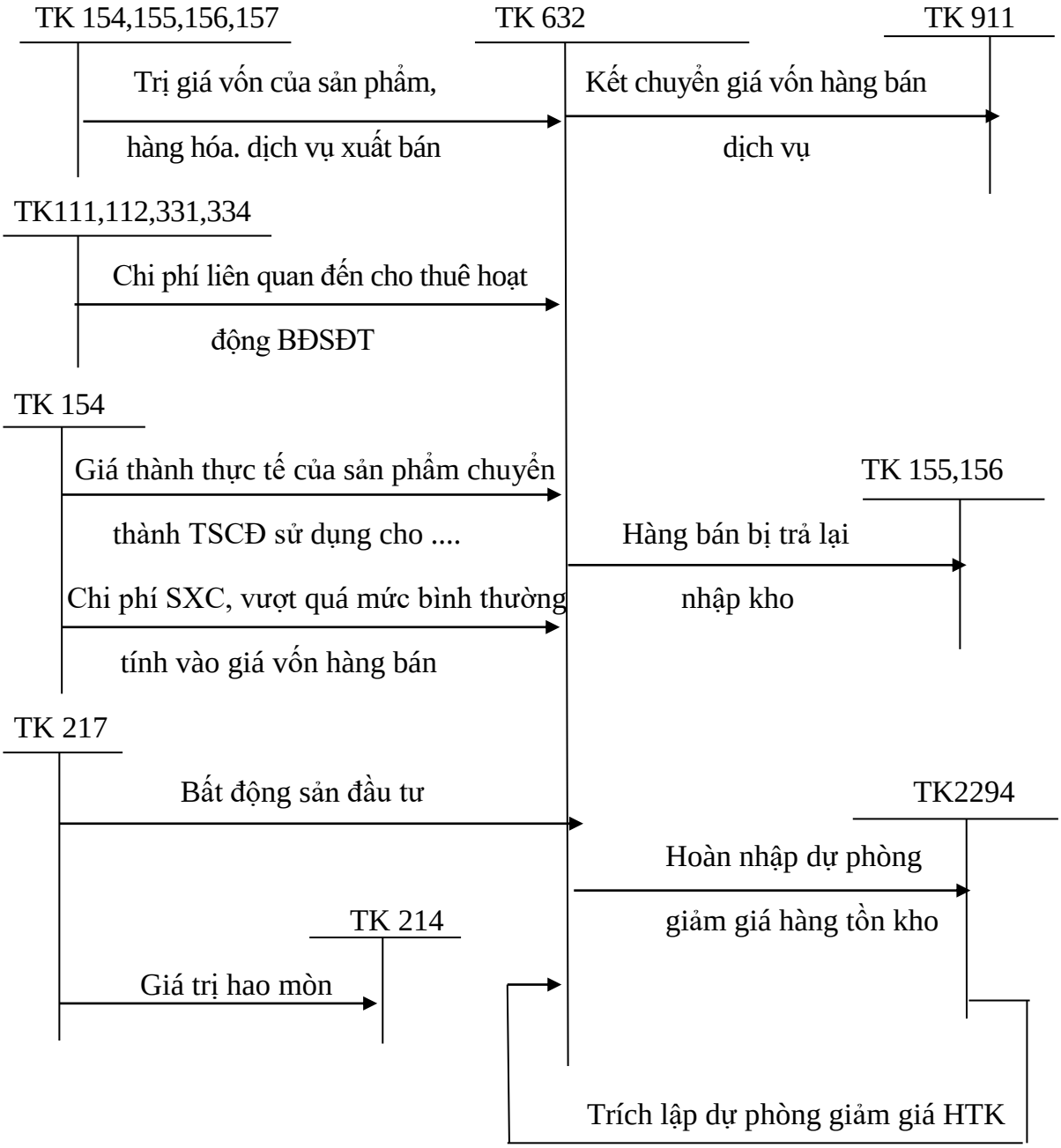

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.2.2 Kế toán chi phí tài chính

1.2.2.1 Nội dung

Chi phí tài chính là tất cả các chi phí có liên quan đến hoạt động tài chính trong kỳ bao gồm các khoản sau:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ - Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ
- Sổ trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác
- Các khoản chi phí đầu tư tài chính khác
- Các khoản chi phí tài chính khác

1.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Phiếu kế toán và các chứng từ liên quan khác
- Sổ chi tiết TK 635
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 635

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"

Công dụng: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lõ tỷ giá hối đoái…

❖ **Kết cấu của TK 635**

Nợ	**TK 635**	**Có**
- Các khoản chi phí tài chính - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ - Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn kỳ trước		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.4 Phương pháp hạch toán

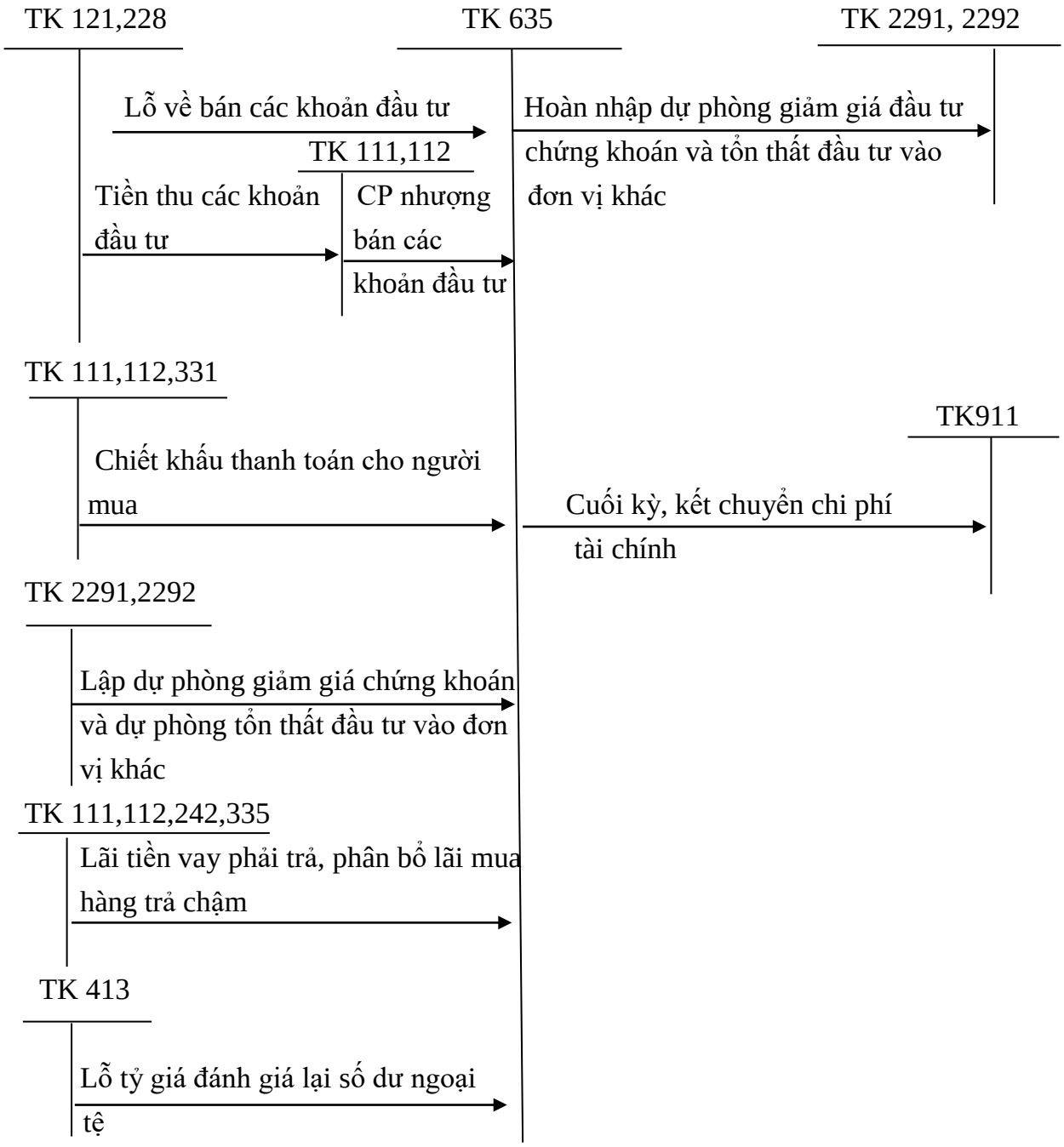

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1 Nội dung

- Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm:

- Các khoản phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTNLĐ, KPCĐ, BHTN;
- Chi phí khấu trừ tài sản cố định (TSCĐ) dùng cho quản lý doanh nghiệp;
- Các khoản lập dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Dịch vụ mua ngoài (tiền điện, nước, điện thoại, fax, chi phí trả cho nhà thầu phụ, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...);

1.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi, giấy báo nợ và các chứng từ liên quan khác

1.2.3.3 Tài khoản sử dụng

Theo TT 133/2026/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh là TK642

- Tài khoản 642 "Chi phí quản lý kinh doanh"
- Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2: Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu TK 642

Nợ	**TK 642**	**Có**
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh vào tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh"

TK 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4 Phương pháp hạch toán

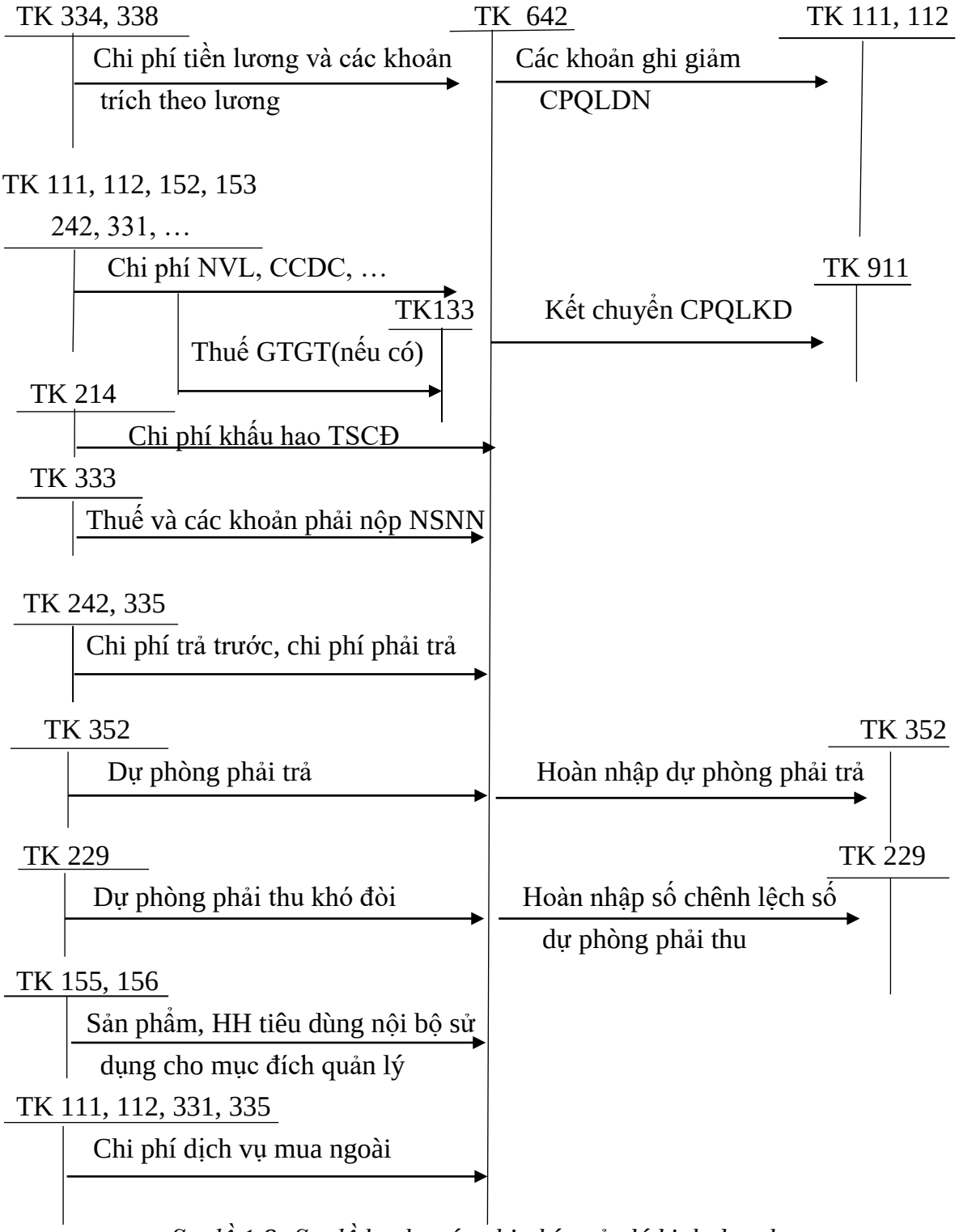

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4 Kế toán chi phí khác

1.2.4.1 Nội dung

Tài khoản chi phí khác là tài khoản dùng để ghi nhận các khoản chi phí ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của đơn vị, gồm các khoản sau:

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của tài sản cố định bị phá dỡ hoặc nhượng bán, thanh lý ;
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại tài sản cố định, vật tư, hàng hóa đầu tư vào công ty liên kết hoặc đưa đi góp vốn liên doanh và đầu tư khác;
- Các khoản chi phí khác;
- Các khoản chi phí có hóa đơn chứng từ đầy đủ nhưng không được tính là chi phí hợp lý tính thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế, phải làm điều chỉnh giảm trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

1.2.4.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy nộp tiền

1.2.4.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – " Chi phí khác"

Công dụng: Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

❖ **Kết cấu của TK 811**

Nợ	**TK 811**	**Có**
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh"

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4 Phương pháp hạch toán

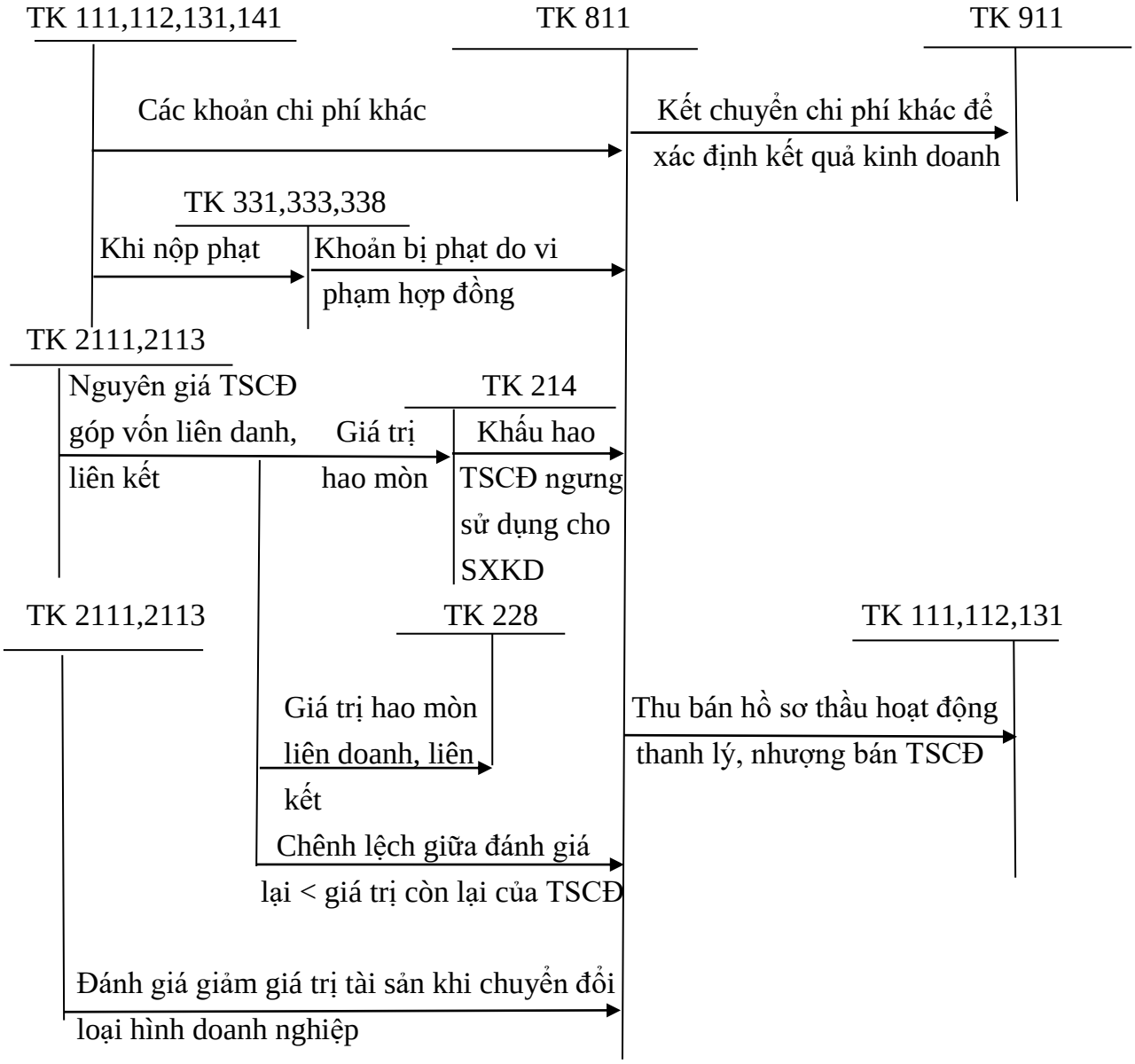

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.5.1 Nội dung

Tài khoản 821 là tài khoản được ghi nhận dựa trên chi phí thuế TNDN, phản ánh các chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm và từ đó xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp.

1.2.5.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Tờ khai thuế quyết toán thuế TNDN

1.2.5.3 Tài khoản sử dụng

TK 821 " Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"

❖ **Kết cấu tài khoản 821**

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải đi nộp trong năm - Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí thuế TNDN trong kỳ sang TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh"

TK 821 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.4 Phương pháp hạch toán

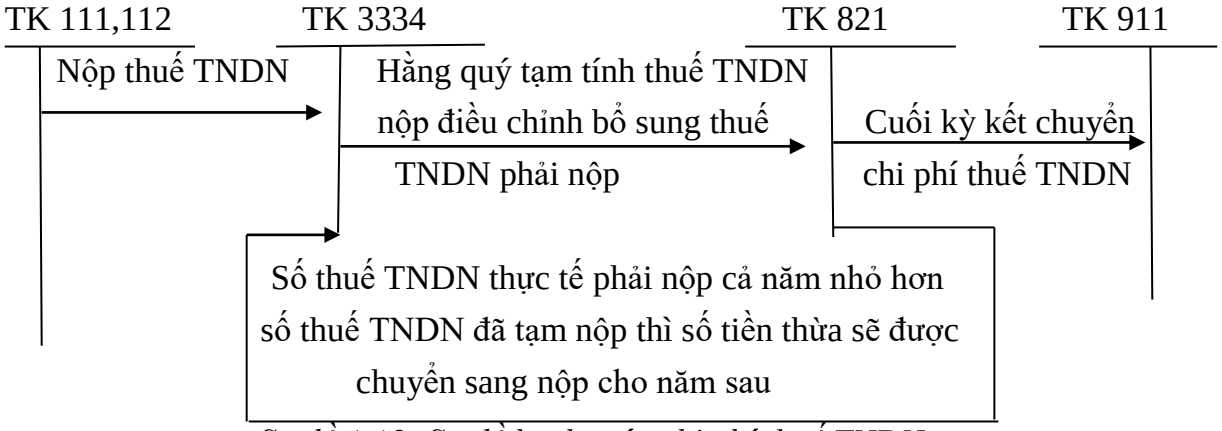

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN

1.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3.1 Nội dung

- Tài khoản dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt đông kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.
- Sau một kỳ kế toán, doanh nghiệp cần xác định kế quả hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	=	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	-	Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần KD từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	+Doanh thu hoạt động tài chính	- Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý KD

Lợi nhuận khác =	Thu nhập khác	–	Chi phí khác

Tổng LNKT trước thuế = LN thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Tổng LNKT sau thuế = Tổng LNKT trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.3.2 Chứng từ sử dụng

- Bảng xác định kết quả kinh doanh
- Các chứng từ khác có liên quan
- Phiếu kế toán

1.3.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Công dụng: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán nnă.

❖ **Kết cấu và nội dung TK911 – Xác định kết quả kinh doanh:**

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán. - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Chi phí tài chính trong kỳ - Kết chuyển lãi		- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ -Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ -Thu nhập khác trong kỳ -Kết chuyển lỗ

1.3.4 Phương pháp hạch toán

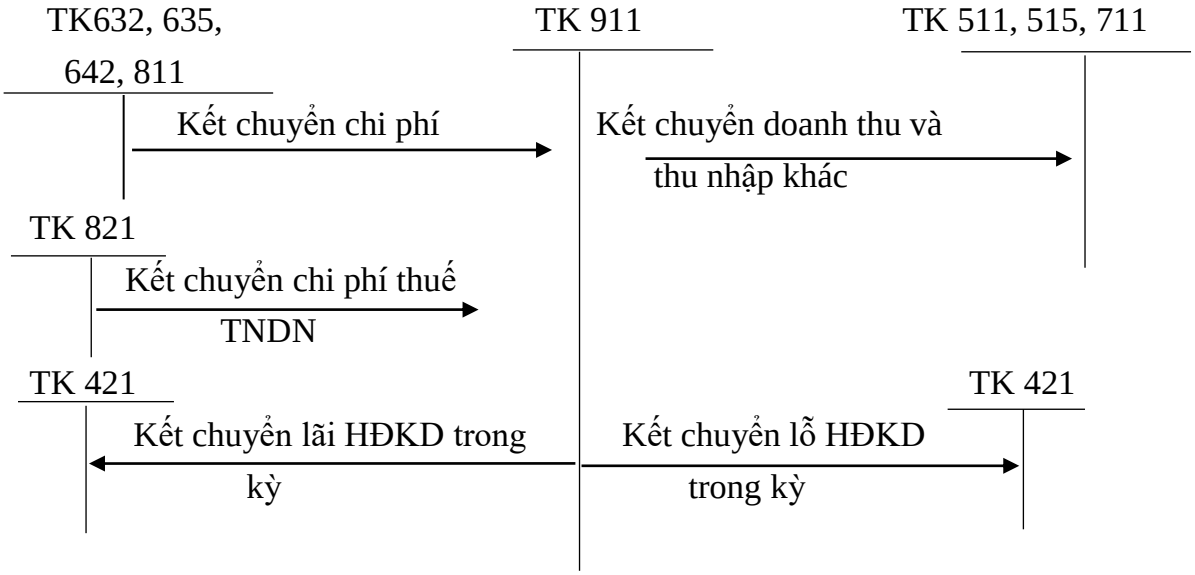

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

2.1 Thông tin khái quát về Công ty TNHH Vương Thuận

2.1.1 Thông tin chung về Công ty

- Tên công ty: Công ty TNHH Vương Thuận
- Mã số thuế: 3100193343
- Địa chỉ thuế: Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
- Địa chỉ công ty: Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
- Người đại diện pháp luật: Bùi Hải Sơn
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000
- Điện thoại: 0523822115
- Nơi đăng ký quản lý: Cục thuế tính Quảng Trị
- Ngày cấp giấy phép: 03/10/1998
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên
- Ngành nghề kinh doanh chính:

+Bán buôn đồ uống (Mua bán, đại lý đồ uống nước, rượu bia, bánh kẹo)....

+Bán lẻ đồ uống trong các của hàng chuyên doanh.....

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Vương Thuận

- Cùng với sự phát triển của xã hội thì nhu cầu tiêu dùng hàng hóa của con người ngày càng được nâng cao. Để đáp ứng nhu cầu đó, Công ty TNHH Vương Thuận được thành lập và đi vào kinh doanh từ tháng 10 năm 1998 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Khởi đầu Công ty TNHH Vương Thuận hình thành với các ngành nghề kinh doanh, phân phối các nhãn hàng như: Bia Sài Gòn, Bánh kẹo Kinh đô, rượu ngoại,…Bên cạnh đó còn có dây chuyền sản xuất nước lọc Mosewa.
- Năm 2011, Công ty TNHH Vương Thuận phát triển mạnh làm tổng thầu cho Bia sài gòn của Quảng Bình. Đến năm 2013 Công ty đi vào hoạt động thêm lĩnh vực vận tải hàng hóa.
- Năm 2019 lại chịu sự ảnh hưởng của dịch Covid. Trong quá trình đó Công ty vẫn duy trì hoạt động và đáp ứng đầy đủ mức lương cho toàn bộ công nhân viên dựa trên sự hỗ trợ vay vốn của chính sách ngân hàng.

- Thời điểm hiện tại Công ty đã đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, tạo nhiều nguồn vốn, nhiều khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đặc biệt là phương châm "Quý khách hài lòng, chúng tôi hạnh phúc".
- Đến nay, doanh thu của công ty ngày càng tăng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về các hoạt động cung ứng. Chăm lo nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của người lao động.
- Những năm qua, Công ty đã hoàn thành rất tốt nhiệm vụ đặt ra, đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị tiện nghi, hiện đại cũng như quy trình hoạt động, chất lượng dịch vụ.

2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH Vương Thuận

- Thực hiện quá trình kinh doanh hàng hóa dịch vụ có hiệu quả, sử dụng hợp lý lao động, tài sản vật tư tiền vốn. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đối với ngân sách Nhà nước, bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh.
- Chấp hành các chính sách chế độ và pháp luật của Nhà nước, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu hàng hóa tiêu dùng của nhân dân và bảo vệ môi sinh, môi trường.
- Đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ tiền lương, tiền thưởng, an toàn lao động đối với công nhân viên.
- Quản lý chỉ đạo Công ty theo cơ chế hiện hành của Nhà nước, bảo vệ tốt doanh nghiệp, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Vương Thuận

2.1.4.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

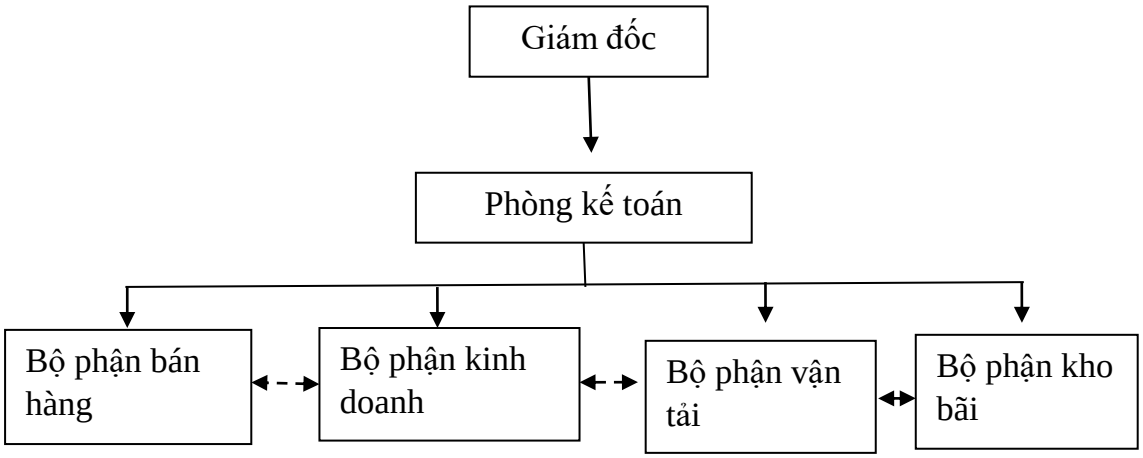

Chú thích:

: Mối quan hệ chức năng

: Mối quan hệ trực tuyến

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Vương Thuận

2.1.4.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận

- *Giám đốc*: Người đứng đầu Công ty và là sáng lập viên có vốn góp cao nhất Công ty. Điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng chính sách và Pháp luật của Nhà nước. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh hàng hóa dịch vụ của Công ty.

- *Phòng Kế toán*: Thực hiện chức năng tham mưu cho Giám đốc. Quản lý chỉ đạo điều hành công tác sử dụng và phát triển vốn, tài sản của Công ty sao cho đạt hiệu quả cao và đúng Pháp luật. Xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty thủ tục cho các bộ phận trong Công ty và trình duyệt hồ sơ thanh lí tài sản, công nợ, giải quyết công nợ tồn động, hàng hóa kém phẩm chất. Ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình vận động tài sản nguồn vốn của Công ty.

Tổ chức và vận động các nguồn tiền tệ để đảm bảo cho quá trình kinh doanh được tiến hành ổn định đạt hiệu quả. Phản ánh tình hình hoạt động của Công ty theo từng tháng, quý, năm. Cuối kì lập báo cáo Kế toán để cung cấp kịp thời thông tin tình hình tài chính của Công ty cho Giám đốc.

- *Bộ phận bán hàng*: Nhiệm vụ giao hàng cho người mua và thu tiền về nộp cho thủ quỹ, lên báo cáo bán hàng hằng ngày báo cáo số hàng, loại hàng bán ra cho thủ kho và nộp những chứng từ liên quan đến bán hàng để thủ kho ghi vào báo cáo bán hàng tổng hợp của kho và nộp lên cho phòng Kế toán.

- *Bộ phận kinh doanh*: Chuyên giới thiệu hàng hóa mà Công ty mình kinh doanh cho khách hàng để khách hàng biết được về chất lượng, mẫu mã cũng như giá cả. Sau đó thu thập thông tin về khách hàng mua báo cáo về bộ phận kho hàng để lên kế hoạch bán hàng cho từng ngày và từng tuyến.

- *Bộ phận vận tải*: Chuyên vận chuyển hàng từ nhà máy, các nơi cung cấp về nhập kho Công ty và vận chuyển hàng từ kho đi bán cho khách hàng và người tiêu dùng.

- *Bộ phận kho bãi*: Gồm 2 kho hàng, mỗi kho đảm nhiệm mỗi loại hàng hóa khác nhau, nhiệm vụ nhập, lưu giữ hàng hóa và xuất hàng hóa cho bộ phận đi bán hàng.

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Vương Thuận

2.1.5.1 Bộ máy Kế toán của Công ty TNHH Vương Thuận được hình thành như sau:

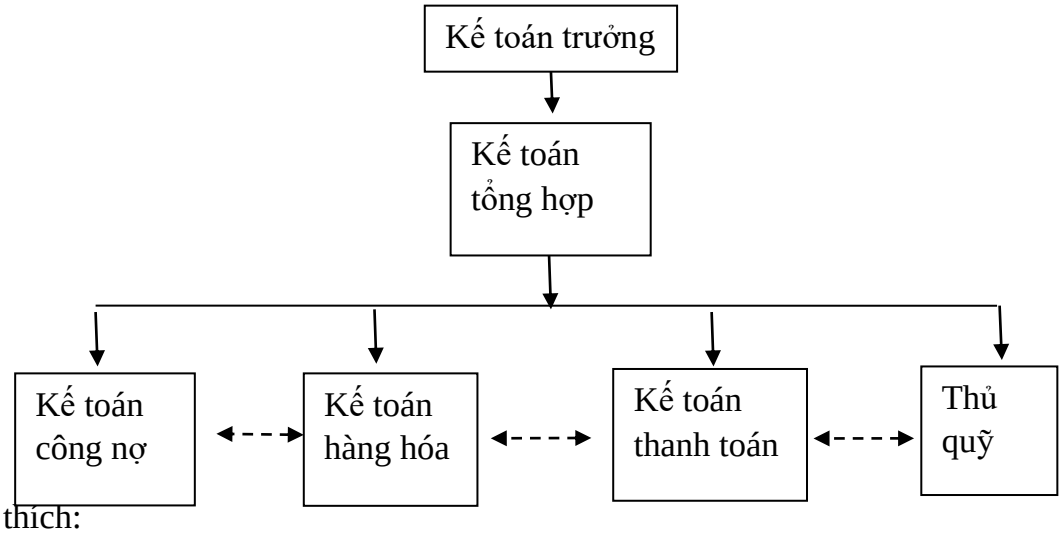

Chú thích:

: Mối quan hệ chức năng

: Mối quan hệ trực tuyến

Sơ đồ 2.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Vương Thuận

2.1.5.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận

- *Kế toán trưởng*: Phụ trách công việc của phòng Kế toán, giúp Giám Đốc Công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác Kế toán, hạch toán Kế toán theo đúng chế độ pháp lệnh Kế toán thống kê mà Nhà nước ban hành.

Tổ chức ghi chép phản ánh chính xác trung thực kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích đánh giá kết quả hoạt động của Công ty. Tổ chức bảo quản lưu trữ các tài liệu Kế toán theo đúng yêu cầu, được quyền kiểm tra và ký tất cả các chứng từ liên quan đến hoạt động Tài chính của Kế toán trong toàn Công ty.

- *Kế toán tổng hợp:* Phụ trách việc tổng hợp quyết toán cùng kế toán trưởng.

- *Kế toán công nợ*: Trực tiếp phản ánh theo dõi công nợ của khách hàng mua và bán, công nợ phải mua và công nợ phải trả khác. Giúp kế toán trưởng theo dõi và quản lí mọi công nợ có liên quan để đối chiếu nhằm hạn chế công nợ phải thu tận dụng được vốn nhàn rỗi ở đơn vị bạn và vốn khác.

- *Kế toán hàng hóa*: Phản ánh thực tế chính xác số lượng hàng hóa Nhập- Xuất – Tồn của Công ty. Nắm vững các nguyên tắc của hàng hóa tiêu thụ để hàng ngày, hàng tháng, vào các bảng kê hàng hóa dịch vụ. Mục đích thuận tiện trong công tác quản lý kinh doanh của Giám đốc và của Kế toán trưởng.

- *Kế toán thanh toán* : Thực hiện việc giám sát và hạch toán các nghiệp vụ phát sinh về thu chi theo đúng quy định và chế độ Nhà Nước, luôn tôn trọng nguyên tắc trong thanh

toán, phát hiện những sai phạm thanh toán sai nguyên tắc và phải chịu trách nhiệm về những sai phạm của mình trước Giám Đốc, Kế toán trưởng và pháp luật.

Kế toán thanh toán quản lí và lưu trữ mọi chứng từ liên quan đến trách nhiệm được giao.

- *Thủ quỹ*: Là người có trách nhiệm cao đạo đức tác phong tốt, được Giám đốc ủy quyền quản lý toàn bộ tiền mặt và các loại ngân phiếu, tín phiếu…tương đương giá trị tiền mặt khác tại Công ty. Thủ quỹ có trách nhiệm thu chi các loại tiền theo đúng quy định của Nhà nước và Công ty. Có chứng từ hợp lý hợp lệ có trách nhiệm cân đối tồn quỹ kiểm kê quỹ hàng ngày. Cuối tháng cân đối tồn quỹ thực tế và tồn quỹ trên sổ sách. Thủ quỹ chịu trách nhiệm trước mọi mất mát bất kỳ khoản tiền nào tại kết bạc do thủ quỹ nắm giữ. Không được thu, chi tiền khi chưa có ý kiến của Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc các chứng từ hợp lệ.

2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Vương Thuận và trình tự luân chuyển chứng từ

2.1.6.1 Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung

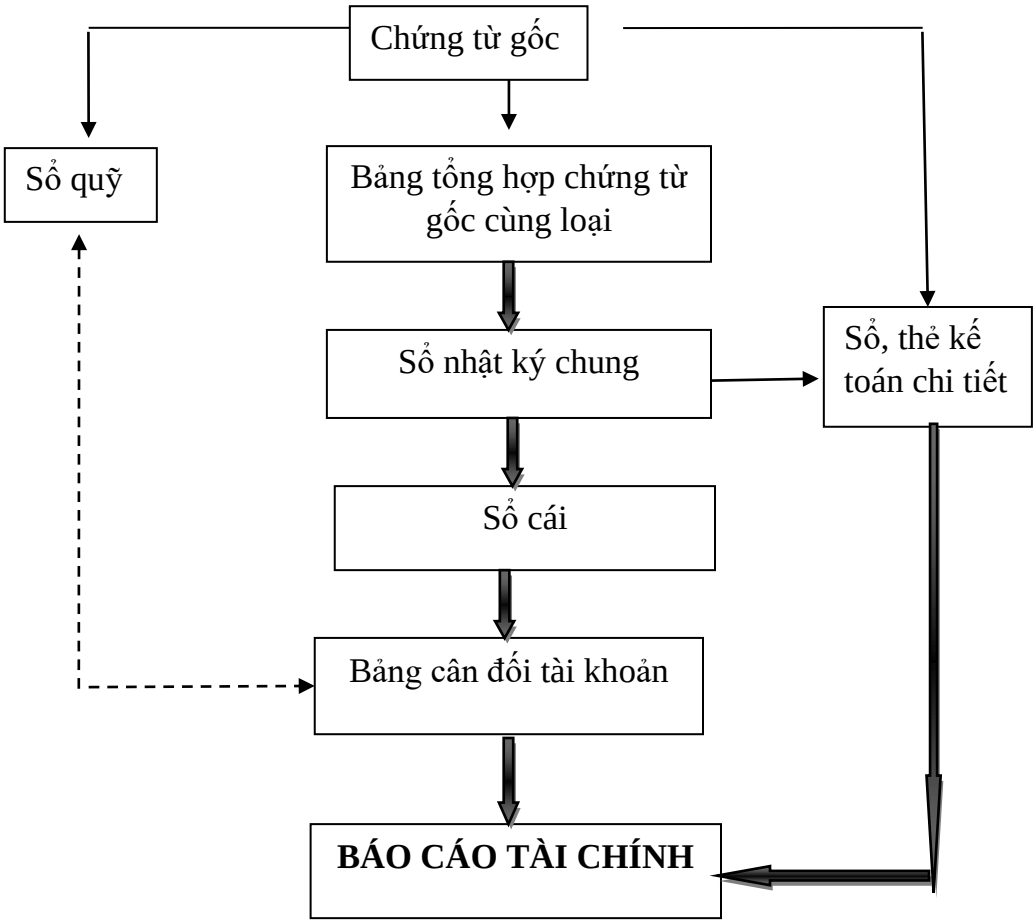

Ghi chú: ⟶ : Ghi hàng ngày

: Ghi cuối tháng, cuối kỳ

: Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Sổ nhật ký chung tại Công ty TNHH Vương Thuận

- Khi các nghiệp vụ kinh tế – tài chính phát sinh, kế toán tiến hành thu thập và kiểm tra chứng từ gốc nhằm đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ và hợp lý.
- Đối với các nghiệp vụ liên quan đến thu – chi tiền mặt, chứng từ được ghi ngay vào Sổ quỹ tiền mặt để thủ quỹ theo dõi và đối chiếu định kỳ. Sau đó, kế toán tiến hành phân loại chứng từ và lập Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại, làm cơ sở lập Chứng từ ghi sổ.
- Trên cơ sở chứng từ gốc và bảng tổng hợp, kế toán lập Sổ nhật ký chung, trong đó phản ánh đầy đủ nội dung nghiệp vụ, tài khoản ghi Nợ – Có, số tiền và chữ ký của các bộ phận liên quan. Các Chứng từ ghi sổ sau khi lập sẽ được ghi vào Sổ cái theo trình tự thời gian và theo từng tài khoản kế toán.
- Cuối kỳ, từ số liệu trên Sổ cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để tổng hợp số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của từng tài khoản.
- Sau khi lập các sổ sách, công ty tiến hành đối chiếu và kiểm tra giữa Sổ cái, sổ chi tiết, Sổ quỹ để đảm bảo tính thống nhất và chính xác của số liệu. Trên cơ sở đó, cuối kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.1.6.2 Hình thức ghi sổ trên máy tính

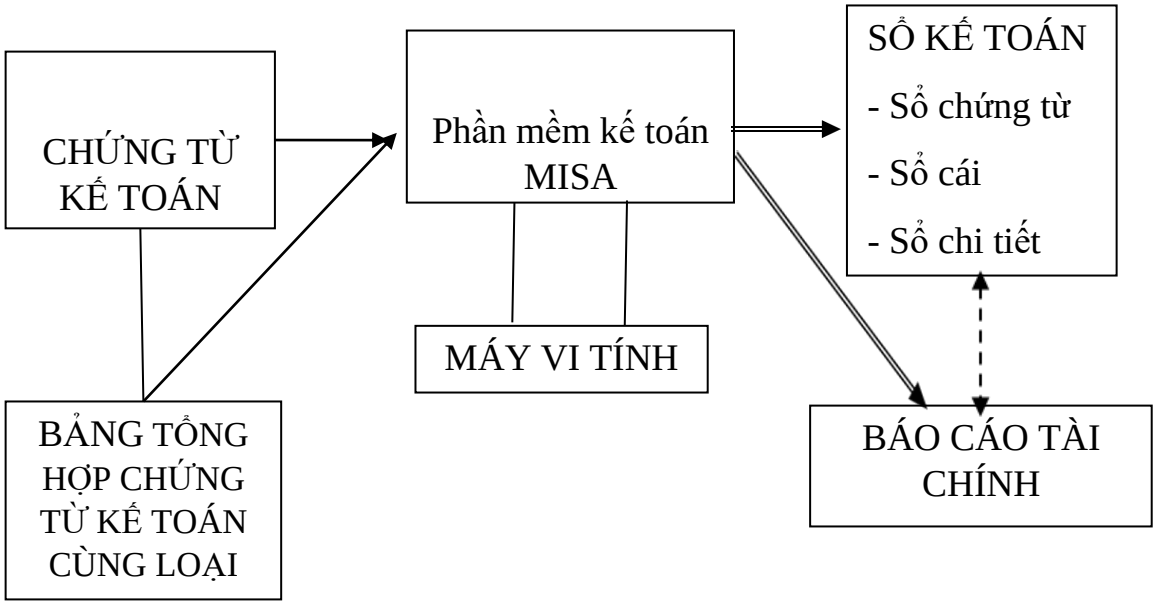

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

→ Nhập liệu hằng ngày

⟹ Ghi cuối tháng, theo kỳ

←- - -→ Đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính:

- Hằng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra và xác định tài khoản Nợ và tài khoản Có sau đó nhập liệu vào phần mềm theo nội dung đã được cài đặt ở phần mềm.
- Theo đúng quy trình của một phần mềm kế toán, các thông tin sau khi được khai báo sẽ tự động nhập vào các sổ kế toán tổng hợp và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Định kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập Báo cáo tài chính.Việc đối chiếu số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được phần mềm thực hiện tự động và đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ.
- Cuối niên độ sổ kế toán tổng hợp và vào sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán bằng tay.

2.1.7 Chế độ kế toán và các chính sách tài chính

- Niên độ kế toán (Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12)
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính và tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá xuất kho: Nhập trước xuất trước
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng: Khấu hao đường thẳng

2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vương Thuận

2.2.1 Kế toán doanh thu, thu thập khác

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty

a. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty sử dụng 3 tài khoản chi tiết doanh thu, cụ thể như sau:

- Tài khoản 51111 – Doanh thu bán hàng: phản ánh doanh thu từ việc bán hàng hóa rượu bia, bánh kẹo, nước ngọt
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm: phản ánh doanh thu từ việc sản xuất ra nước lọc
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: phản ánh doanh thu từ vận tải hàng hóa

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan đến bán hàng

c. Sổ sách kế toán sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 51111, 5112, 5113

d. Mô tả nghiệp vụ đối với doanh thu bán hàng tại Công ty

- **Nghiệp vụ 1: Bán hàng hóa (thu bằng tiền mặt)**

Vào ngày 09/12/2025, Công ty TNHH Vương Thuận đã bán hàng cho Hà Thị Hương trị giá 2.400.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%). Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

- Sau khi phát sinh nghiệp vụ và giao hàng cho khách hàng, kế toán lập Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 09 tháng 12 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TYY

Số: 00010352

Mã CQT: 00D058BB7F029A4033ABA3991585AE98C2

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN**

Mã số thuế: **3100193343**

Địa chỉ: Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 02323 822 115 Fax:02323 844 888

Số tài khoản: 111000020755 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình

Họ tên người mua hàng: Hà Thị Hương

Tên đơn vị: Hà Thị Hương

Mã số thuế: CCCD: 044165001664

Địa chỉ: 14 Thanh Niên, Phương Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đồ uống DASANI 510ML 24 PET	Két	30,00	74.074,07	2.222.222
			Cộng tiền hàng:		2.222.222
Thuế suất GTGT:		8 %	Tiền thuế GTGT:		177.778
			Tổng tiền thanh toán:		2.400.000

Số tiền viết bằng chữ: ***Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.***

Ghi chú:

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

Ký ngày: 09/12/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn: Q5HJF50W8RLZ

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/

Phát hành bởi phần mềm Meinvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Hình 2.1 Hóa đơn GTGT số 0010352

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00010352, ký hiệu 1C25TYY ngày 09/12/2025, kế toán vào phần mềm MISA nhập dữ liệu như sau:

Bước 1: Chọn "Bán hàng"

Bước 2: Chọn mục "bán hàng" sau đó chọn "thêm"

Bước 3: Nhập số liệu và điền đủ thông tin, định khoản

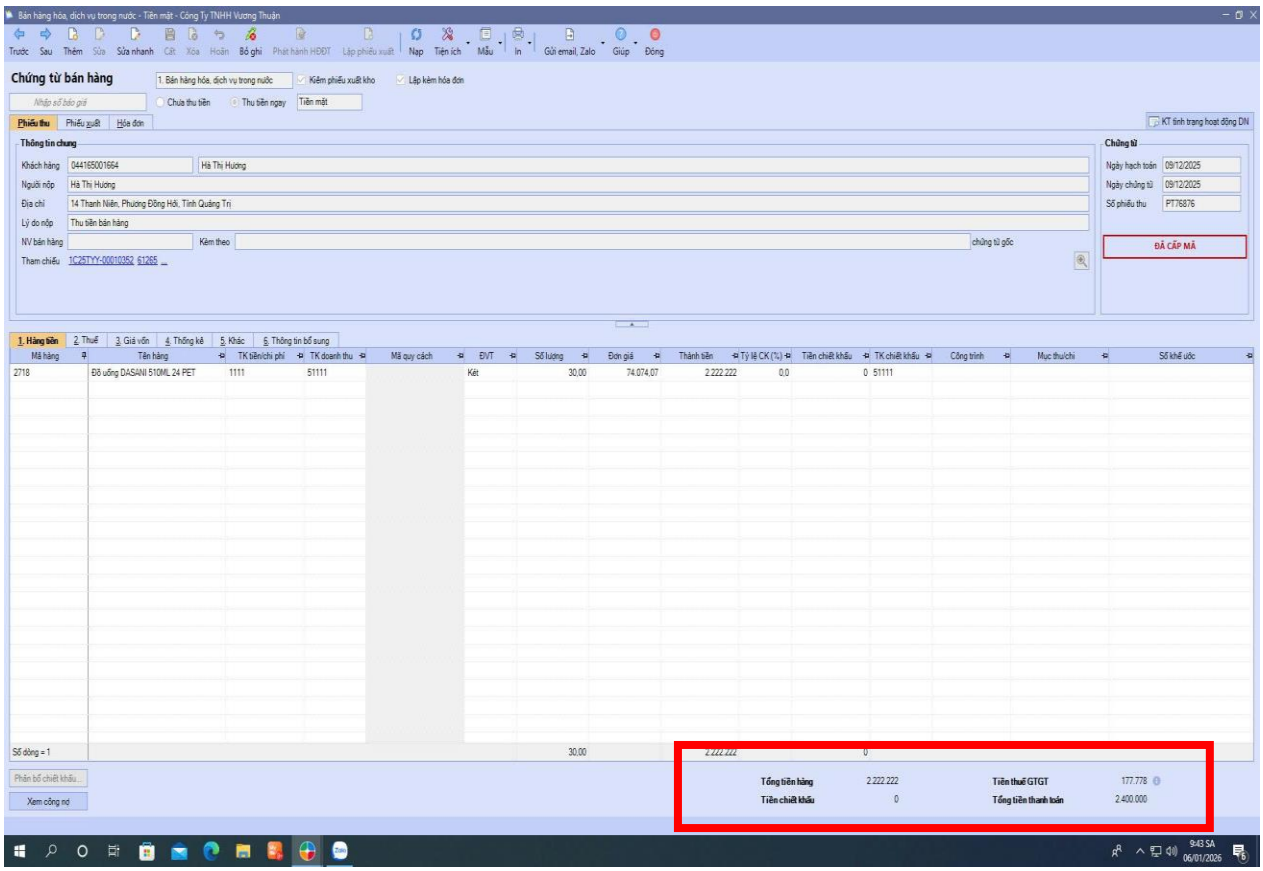

Hình 2.2: Giao diện chứng từ bán hàng của phần mềm MISA

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00010352, vì nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt nên có phiếu thu như sau:

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
Ngày 09 tháng 12 năm 2025

Quyển số: .....

Số: PT76876
Nợ: 1111
Có: 51111, 33311

Họ tên người nộp tiền: Hà Thị Hương
Địa chỉ: 14 Thanh Niên, Phương Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng
Số tiền: **2.400.000 VND**
Viết bằng chữ: ***Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.***
Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày..... tháng ..... năm.....

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người nộp tiền**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*
Bùi Hải Sơn	**Nguyễn Thị Chiến**	**Hà Thị Hương**		**Nguyễn Thị Hoài**

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Hình 2.3: Phiếu thu tiền mặt theo hóa đơn GTGT số 00010352

❖ **Nghiệp vụ 2: Bán hàng hóa (thu bằng chuyển khoản)**

- Ngày 02/12/2025 Công ty TNHH Vương Thuận bán hàng cho Công ty TNHH Thương Mại Tư Oanh với giá trị 492.000.000 vnd đã bao gồm thuế. Từ đó, kế toán lập hóa đơn GTGT sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 02 tháng 12 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TYY

Số: **00010257**

Mã CQT: 00221632BCA3E5442CA31C2E8B96591AA3

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN**

Mã số thuế: **3100193343**

Địa chỉ: Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 02323 822 115 Fax:02323 844 888

Số tài khoản: 111000020755 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TƯ OANH

Mã số thuế: 3101146586 CCCD:

Địa chỉ: 33 Đặng Xuân Thiều, Phường Đồng Hới, Quảng Trị, Việt Nam.

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bia lon Saigon Lager 330ml(LASG)	Thùng	2.000,00	223.636,36	447.272.727
			Cộng tiền hàng:		447.272.727
Thuế suất GTGT:		10 %	Tiền thuế GTGT:		44.727.273
			Tổng tiền thanh toán:		492.000.000

Số tiền viết bằng chữ: ***Bốn trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn.***

Ghi chú:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

Ký ngày: 02/12/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn: 85HDFMQLMG_0

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 00010257

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00010257, khách hàng thanh toán bằng hình thức chuyển khoản nên kế toán hạch toán nghiệp vụ vào phần mềm MISA như sau:

Bước 1: Chọn "Bán hàng"

Bước 2: Chọn mục “bán hàng” sau đó chọn “thêm”

Bước 3: Nhập số liệu và điền đủ thông tin, định khoản

Từ các bước trên ta có chứng từ bán hàng sau:

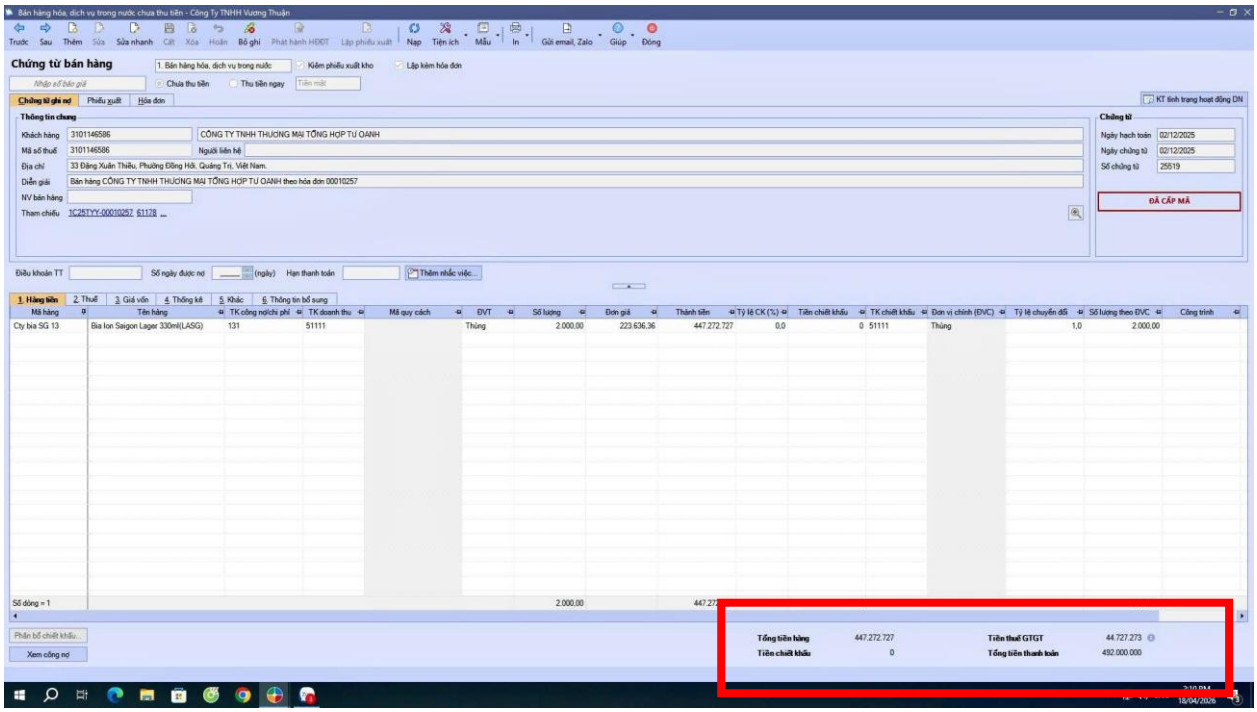

Hình 2.5 Giao diện chứng từ bán hàng theo hóa đơn GTGT số 00010257

- Khi thu tiền từ khách hàng theo hình thức chuyển khoản thì có giấy báo có của ngân hàng như sau:

Hình 2.6 Giao diện Giấy báo có ngân hàng Vietinbank

- Sau khi thu tiền gửi từ khách hàng thì kế toán lập phiếu thu tiền gửi trên phần mềm như sau:

Bước 1: Chọn mục tiền gửi

Bước 2: Chọn thu tiền

Bước 3: Chọn hạch toán phiếu thu tiền gửi

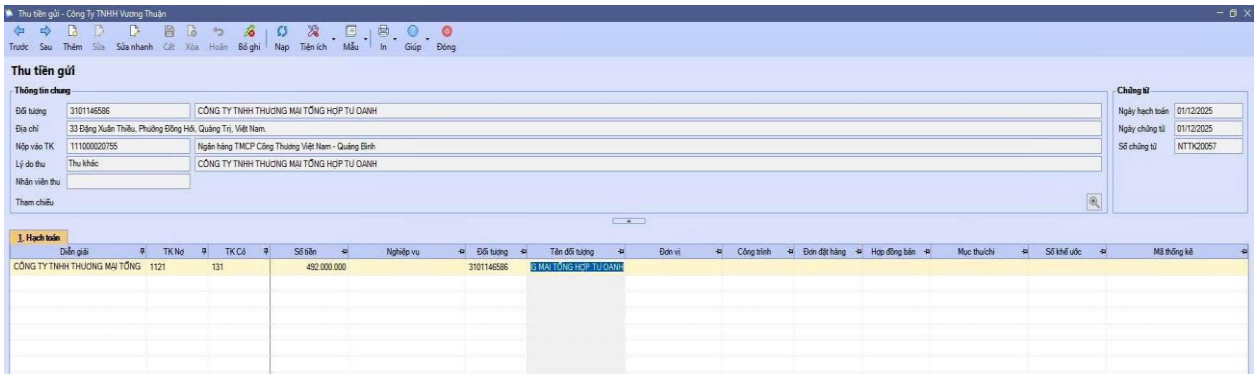

Hình 2.7 Giao diện phiếu thu tiền gửi

❖ **Nghiệp vụ 3: Doanh thu bán thành phẩm**

- Ngày 02/01/2025 Công ty TNHH Vương Thuận bán hàng cho Công ty TNHH SPX EXPRESS với số tiền là 400.000 vnd (đã bao gồm thuế 8%) và thanh toán bằng tiền mặt. Kế toán lập hóa đơn GTGT sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 02 tháng 01 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TYY

Số: 00000003

Mã CQT: 0094C6FE14D7F34956B258288BA687BC3E

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN**

Mã số thuế: **3100193343**

Địa chỉ: Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 02323 822 115 Fax:02323 844 888

Số tài khoản: 111000020755 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH SPX EXPRESS

Mã số thuế: 0316242421 CCCD:

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Saigon Centre 2, 67 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Nước lọc 20L	Bình	20,000	18.518,52	370.370
			Cộng tiền hàng:		370.370
Thuế suất GTGT:		8 %	Tiền thuế GTGT:		29.630
			Tổng tiền thanh toán:		400.000

Số tiền viết bằng chữ: ***Bốn trăm nghìn đồng chẵn.***

Ghi chú:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Ký ngày: 02/01/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn: K3HKILRRDNNZ
Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/

Hình 2.8 Hóa đơn GTGT số 00000003

Kế toán hạch toán nghiệp vụ vào phần mềm MISA như sau:

Bước 1: Chọn "Bán hàng"

Bước 2: Chọn mục "bán hàng" sau đó chọn "thêm"

Bước 3: Nhập số liệu và điền đủ thông tin, định khoản

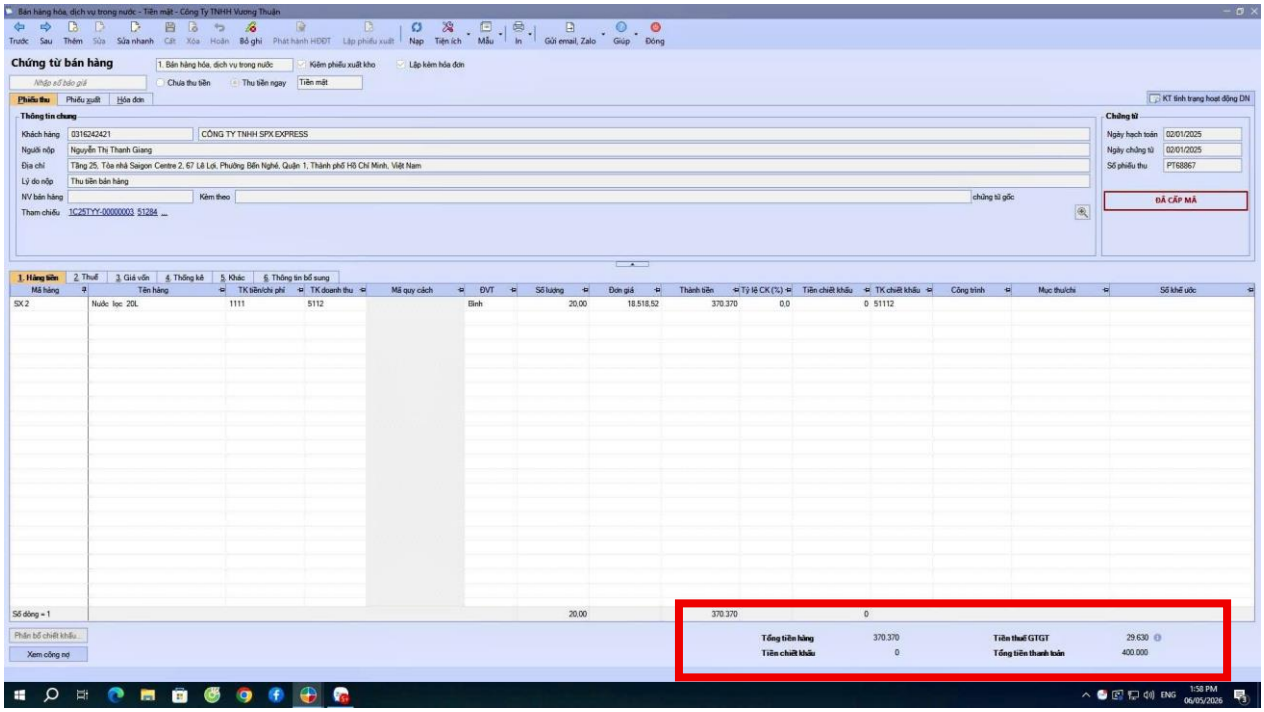

Hình 2.9 Giao diện chứng từ bán hàng theo hóa đơn GTGT số 00000003

Vì nghiệp vụ này phát sinh và thanh toán bằng tiền mặt nên ta có phiếu thu như sau:

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
Ngày 02 tháng 01 năm 2025

Quyển số: .....

Số: PT68867
Nợ: 1111
Có: 5112, 33311

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Thanh Giang - CÔNG TY TNHH SPX EXPRESS
Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Saigon Centre 2, 67 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng
Số tiền: **400.000 VND**
Viết bằng chữ: ***Bốn trăm nghìn đồng chẵn.***
Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày..... tháng ..... năm.....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*
Bùi Hải Sơn	Nguyễn Thị Chiến	Nguyễn Thị Thanh Giang		Nguyễn Thị Hoài

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) Bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Hình 2.10 Phiếu thu tiền mặt theo hóa đơn GTGT số 00000003

❖ **Nghiệp vụ 4: Doanh thu cung cấp dịch vụ**

- Vào ngày 03/01/2025 Công ty TNHH Vương Thuận cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Hùng Vĩ với tổng số tiền là 30.132.000 vnd (Đã bao gồm thuế) thì kế toán lập hóa đơn GTGT sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 03 tháng 01 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TYY

Số: 00000030

Mã CQT: 006834BDE2E90A4AE9ABB0C96EEE1B83CC

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN**

Mã số thuế: **3100193343**

Địa chỉ: Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 02323 822 115 Fax:02323 844 888

Số tài khoản: 111000020755 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HÙNG VĨ

Mã số thuế: 2400767558 CCCD:

Địa chỉ: Số nhà 15, đường Lê Hồng Phong 2, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước Vận chuyển tinh bột sắn từ Bố trạch, Quảng Bình đến Đồng Đăng, Lạng Sơn (xe 73C 04772, xe 73C 03071)	Tấn	62,000	450.000,00	27.900.000
			Cộng tiền hàng:		27.900.000
Thuế suất GTGT:		8 %	Tiền thuế GTGT:		2.232.000
			Tổng tiền thanh toán:		30.132.000
Số tiền viết bằng chữ:	***Ba mươi triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn.***				
Ghi chú:					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Ký ngày: 03/01/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn: XWHEIVJVD9E8
Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Hình 2.11 Hóa đơn GTGT số 00000030

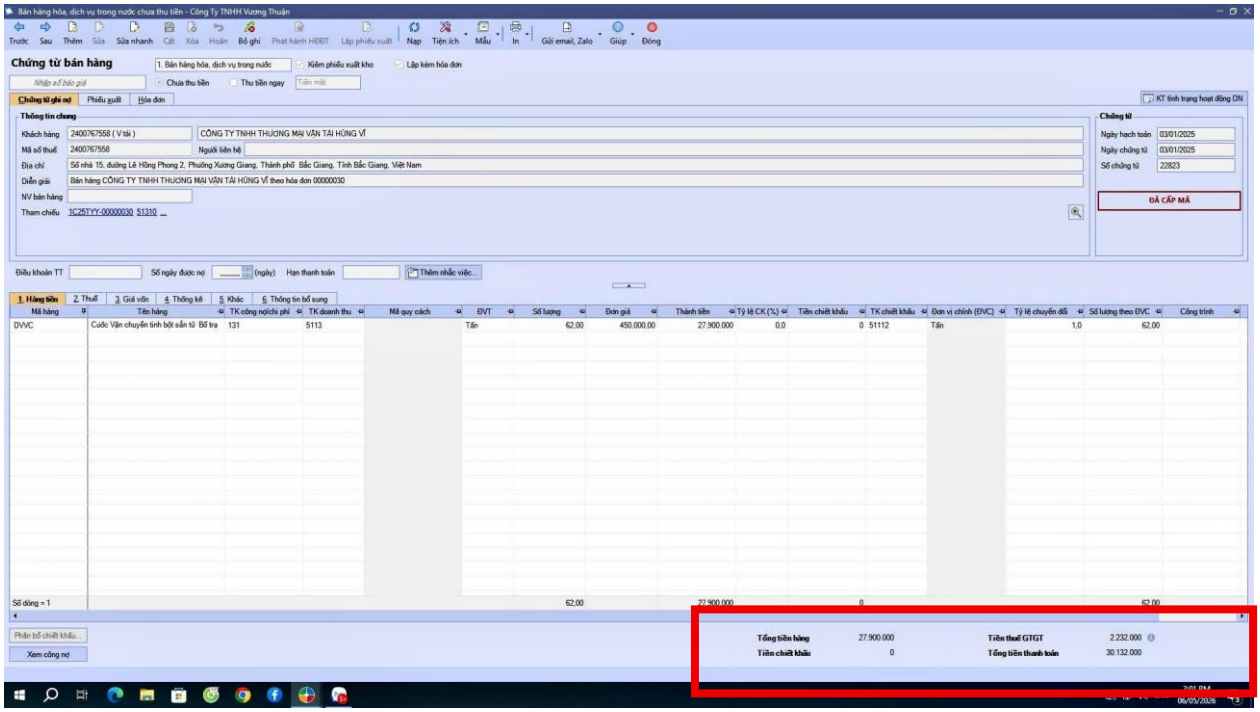

Hình 2.12 Giao diện chứng từ bán hàng theo hóa đơn GTGT số 00000030

Sau khi kế toán nhập dữ liệu lên phần mềm và nhấn lưu thì phần mềm tự động lên các sổ: Nhật ký chung, sổ cái TK511, sổ chi tiết TK 51111, 5112, 5113

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	1111	300.000	
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	5112		277.778
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	33311		22.222
02/01/2025	02/01/2025	51283	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00000003	632	275.647	
02/01/2025	02/01/2025	51283	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00000003	155		275.647
03/01/2025	03/01/2025	22823	Bán hàng theo hóa đơn 00000030	131	30.132.000	
03/01/2025	03/01/2025	22823	Bán hàng theo hóa đơn 00000030	5113		27.900.000
03/01/2025	03/01/2025	22823	Bán hàng theo hóa đơn 00000030	33311		2.232.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	131	492.000.000	
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	51111		447.272.727
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	3331	...	44.727.273
02/12/2025	02/12/2025	61178	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010257	632	446.303.960	
02/12/2025	02/12/2025	61178	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010257	1561		446.303.960
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	1111	2.400.000	
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	51111		2.222.222
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	3331		177.778
09/12/2025	09/12/2025	61265	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010352	632	1.648.256	
09/12/2025	09/12/2025	61265	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010352	1561		1.648.256
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng					**2.914.263.074.200**	**2.914.263.074.200**

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.13 Trích sổ Nhật ký chung năm 2025

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 51111 - Doanh thu bán hàng hóa; Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
02/01/2025	02/01/2025	PT68823	Coca đồ uống COKE 235ML	51111	1111		9.722.222		9.722.222
...	...	...	....	...	...	...	...	....	....
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	51111	131		447.272.727		277.317.938.924
02/12/2025	02/12/2025	25520	Coca Đồ uống COKE 320ML 4 X6 SLEEK CAN SF - PROMO UTC	51111	131		11.700.000		277.329.638.924
02/12/2025	02/12/2025	25521	Đồ uống MM NB Orange 297 ml 4x6P PET SF	51111	131		33.350.000		277.362.988.924
...	....	....	.....	....	....	....	....	....	.....
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Đồ uống DASANI 510ML 24 PET	51111	1111		2.222.222		278.619.715.524
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	51111	911	296.883.462.065		1.757.456.296	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng	**51111**		**296.883.462.065**	**296.883.462.065**		
			Số dư cuối kỳ	**51111**					
Tổng cộng						**296.883.462.065**	**296.883.462.065**		

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.14 Sổ chi tiết TK51111

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5112 - Doanh thu bán thành phẩm; Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
02/01/2025	02/01/2025	22904	Nước lọc 20L	5112	131		555.556		555.556
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Nước lọc 20L	5112	1111		370.370		925.926
.....	.....	.....	.....	.....	....		.....		.....
31/10/2025	31/20/2025	PT76016	Nước lọc 20L	5112	1111		3.148.148		1.501.241.410
31/10/2025	31/10/2025	PT76016	Nước lọc đóng chai 0,5L	5112	1111		3.240.741		1.504.482.151
...	....	....	.....	....	....	....	....	....	.....
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5112	911	1.881.683.206		5.185.185	
31/12/2025	31/12/2025	PT77627	Nước lọc 20L	5112	1111		648.148	4.537.037	
31/12/2025	31/12/2025	PT77628	Nước lọc 20L	5112	1111		4.537.037		
			Cộng	**5112**		**1.881.683.206**	**1.881.683.206**		
			Số dư cuối kỳ	**5112**		**1.881.683.206**	**1.881.683.206**		
Tổng cộng									

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.15 Sổ chi tiết TK5112

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5113 - Doanh thu bán thành phẩm; Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
03/01/2025	03/01/2025	22823	Cước vận chuyển tinh bột	5113	131		27.900.000		27.900.000
06/01/2025	06/01/2025	22824	Vận chuyển hàng hóa	5113	131		27.500.000		55.400.000
.....	.....	.....	.....	.....	....	...	.....	...	.....
31/10/2025	31/10/2025	25170	Cước vận chuyển hàng hóa	5113	131		17.062.500		6.180.477.028
31/10/2025	31/10/2025	25170	Cước vận chuyển hàng hóa	5113	131		3.666.250		6.184.143.278
31/10/2025	31/10/2025	25170	Cước vận chuyển hàng hóa	5113	131	....	9.700.000		6.193.843.278
....	.....	.....	.....	....	....	...	...	....	.....
31/12/2025	31/12/2025	25867	Vận chuyển tôn	5113	131		23.600.000		7.435.303.093
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5113	911	7.435.303.093			0
			Cộng	**5113**		**7.435.303.093**	**7.435.303.093**		
			Số dư cuối kỳ	**5113**		**7.435.303.093**	**7.435.303.093**		
Tổng cộng									

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.16 Sổ chi tiết TK5113

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
02/1/2025	**PT68867**	02/1/2025	Thu tiền bán hàng			1111		277.778
....	**....**	...	....			...	...	...
03/01/2025	**22823**	03/01/2025	Bán hàng theo hóa đơn 00000030			131		27.900.000
..	**....**	.....	.....			.....	....	.....
02/12/2025	**25519**	02/12/2025	Bán hàng theo hóa đơn 00010257			131		447.272.727
02/12/2025	**25520**	02/12/2025	Thu tiền bán hàng			131		11.700.000
02/12/2025	**25521**	02/12/2025	Thu tiền bán hàng			131		33.350.000
09/12/2025	**PT76876**	09/12/2025	Thu tiền bán hàng			1111		2.222.222
...	**....**	....	.....			...	....	....
31/12/2025	**NVK03049**	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	306.200.448.364	
31/12/2025	**PT77620**	31/12/2025	Thu tiền bán hàng			1111		1.907.407
...	**....**	....	....			...	....	....
31/12/2025	**PT77653**	31/12/2025	Thu tiền bán hàng			1111		100.800.000
31/12/2025	**PT77654**	31/12/2025	Thu tiền bán hàng			1111		100.800.000
31/12/2025	**PT77655**	31/12/2025	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn 00011452			1111		16.500.000
			Cộng số phát sinh				**306.200.448.364**	**306.200.448.364**
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu năm				**306.200.448.364**	**306.200.448.364**

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.17 Sổ cái TK 511

2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm 2025 của Công ty là số tiền đã thu lãi tiền gửi ngân hàng

b. Tài khoản sử dụng

- TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

c. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Sổ chi tiết TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

f. Nghiệp vụ minh họa

Ngày 31/12/2025, Công ty nhận giấy báo có của ngân hang TMCP Công Thương Việt Nam – Vietinbank thông báo về khoản lãi tiền gửi của Công ty như sau:

efast.vietinbank.vn/PrintCreditDebitAdvice - Google Chrome

efast.vietinbank.vn/PrintCreditDebitAdvice

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

VietinBank

GIẤY BÁO CÓ
Credit Advice

Số giao dịch Transaction number	:23834		
Ngày thực hiện Transaction date	:31-12-2025 02:03:10		
Tên người chuyển Applicant name			
Số tài khoản From account number	:		
Tại Ngân hàng With Bank	:Back Office Operations		
Người thụ hưởng Beneficiary	:CÔNG TY TNHH VUONG THUAN		
Số tài khoản To account number	:111000020755		
Tại Ngân hàng With Bank	:47098 - CN QUANG BINH - HOI SO		
Số tiền bằng số Amount in figures	:75,983	Loại tiền Currency	:VND
Số tiền bằng chữ Amount in words	:Bảy mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng.		
Nội dung Remarks	:Tra lai tai khoan DDA		
Kênh chuyển tiền Channel		In từ dịch vụ VietinBank eFAST Date Printed	:18/04/2026 14:08:11

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Hình 2.18: Trích giấy báo có – Ngân hàng Vietinbank

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515; Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứn	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Mã đối tượng
25/01/2025	25/01/2025	NTTK17254	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH lãi tk	515	1121		23.347		23.347	0100112437-038
31/12/2025	31/12/2025	NTTK20507	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH lãi tk	515	1121		75.983		30.306.013	0100111948-079
.....	.....	.....	.....	.....	.....		.....		.....	.....
31/12/2025	31/12/2025	NTTK20581	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG BÌNH lãi nhập vốn	515	1121		4.300		30.417.978	0100686174-096
31/12/2025	31/12/2025	NTTK20594	Ngân hàng quốc tế VIB lãi TG	515	1121		190		30.418.168	ngân hàng VIB
31/12/2025	31/12/2025	NTTK20595	Ngân hàng TMCP Á Châu - Quảng Bình lãi nhập vốn	515	1121		19		30.418.187	0301452948-144
31/12/2025	31/12/2025	NTTK20599	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Quảng Bình lãi nhập vốn	515	1121		958		30.419.145	0301103908-049
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	30.419.145				
			Cộng	**515**		**30.419.145**	**30.419.145**			
			Số dư cuối kỳ	**515**						
Tổng cộng						**30.419.145**	**30.419.145**			

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.19: Sổ chi tiết tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang	STT		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	NTTK20507	31/12/2025	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH lãi tk			1121		75.983
31/12/2025	NTTK20548	31/12/2025	Ngân hàng Thương mại cổ phần Liên Phát Việt Nam chi nhánh Quảng Bình lãi tk			1121		84.011
31/12/2025	NTTK20579	31/12/2025	NGÂN HÀNG THƯƠNGMẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH lãi tk			1121		23.654
31/12/2025	NTTK20581	31/12/2025	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG BÌNH lãi nhập vốn			1121		4.300
31/12/2025	NTTK20594	31/12/2025	Ngân hàng quốc tế VIB lãi TG			1121		190
31/12/2025	NTTK20595	31/12/2025	Ngân hàng TMCP Á Châu - Quảng Bình lãi nhập vốn			1121		19
31/12/2025	NTTK20599	31/12/2025	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Quảng Bình lãi nhập vốn			1121		958
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	30.419.145	
			- Cộng số phát sinh				**30.419.145**	**30.419.145**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**30.419.145**	**30.419.145**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người ghi sổ *(Ký, họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, họ tên)* | **Giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.20: Sổ cái tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác

a. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 "Thu nhập khác"

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 711
- Sổ chi tiết TK 711

d. Nghiệp vụ minh họa

- Vào ngày 08/01/2025 Công ty TNHH Vương Thuận nhận chiết khấu doanh số của Công ty TNHH TAISHO Việt Nam với số tiền là 57.942.962 vnd (đã bao gồm thuế)

CÔNG TY TNHH TAISHO VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 4200381102

Địa chỉ *(Address):* Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại *(Tel):* 028.35194690 Website: https://lipovitan.vn

Số tài khoản *(Bank account):* 007 100 033855 4 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (Vietcombank)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ký hiệu *(Serial):* 1C25TTS
Số *(No):* **00000192**

Ngày (Date) 08 tháng (month) 01 năm (year) 2025
Mã CQT: 003F3D04756A4D4BDF87F6F325F971F5D0

Họ tên người mua hàng *(Buyer):*

Tên đơn vị *(Company's name):* CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

Mã số thuế *(Tax code):* 3100193343

Địa chỉ *(Address):* Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method):* Chuyển khoản Số đơn hàng *(PO):* 89564899-00

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá trước chiết khấu *(Unit price)*	Tiền chiết khấu *(Discount amount)*	Thành tiền trước thuế GTGT *(Amount excluding VAT)*	Thuế suất *(VAT rate)*	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*	Thành tiền sau thuế GTGT *(Amount including VAT)*
A	B	C	1	2	3	4=1x2-3	5	6=4x5	7=4+6
1	Chiết khấu doanh số tháng 12/2024 theo phụ lục hợp đồng số 113-2024/TSV-VTH ngày 19/04/2024					53.650.891	8%	4.292.071	57.942.962
Tổng cộng: ***(Total:)***					0	53.650.891	8%	4.292.071	57.942.962

Số tiền viết bằng chữ: *(Total amount in words):* ***Năm mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng chẵn.***

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH TAISHO VIỆT NAM
Ký ngày: 08/01/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 4RHGIN9Q3GRX
Tra cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/

Phát hành bởi phần mềm MISA MEINVOICE - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Hình 2.21: Hóa đơn GTGT số 00000192

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00000192 kế toán vào phần mềm hạch toán và có chứng từ sau:

Hình 2.22 Chứng từ nghiệp vụ khác

- Từ đó phần mềm tự động lên Sổ cái TK 711

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
13/01/2025	NVK0270	13/01/2025	Cty Taisho trả chiết khấu doanh số tháng 12/2024 theo HĐ số 192 ngày 08 tháng 01 năm 2025			131		53.650.891
...	...	....	.....			...		....
28/02/2025	NVK0273	28/02/2025	Cty Kinh đô thanh toán chương trình thần tài may mắn			331		2.500.000
...	...	....	.....			...		....
29/05/2025	23994	29/05/2025	Bán hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN theo hóa đơn 00003695			131		7.467.655
...	...	....	.....			...		...
....	....	....	.....			...		.....
31/12/2025	NVK0304	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	3.187.229.643	
			- Cộng số phát sinh				**3.187.229.643**	**3.187.229.643**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**3.187.229.643**	**3.187.229.643**

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.23 Sổ cái TK 711

2.2.2 Kế toán chi phí

2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

a. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 " Giá vốn hàng bán" dùng để phản ánh trị giá vốn hàng hóa xuất bán trong kỳ.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Sổ chi tiết TK 632

d. Nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 1: Căn cứ vào nghiệp vụ 1 ở phần doanh thu, Vào ngày 09/12/2025, Công ty TNHH Vương Thuận đã bán hàng cho Hà Thị Hương trị giá 2.400.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%). Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

- Sau khi phát sinh nghiệp vụ và giao hàng cho khách hàng, kế toán lập Hóa đơn GTGT số 00010352, kế toán lập chứng từ bán hàng phiếu xuất kho trên phần mềm để ghi nhận giá vốn

Bước 1: Vào phần mềm MISA chọn mục "bán hàng"

Bước 2: Từ mục "bán hàng" tìm hóa đơn số 00010352 xuất hiện chứng từ kế toán và bấm vào mục IN ->> chọn "Phiếu Xuất Kho" như sau:

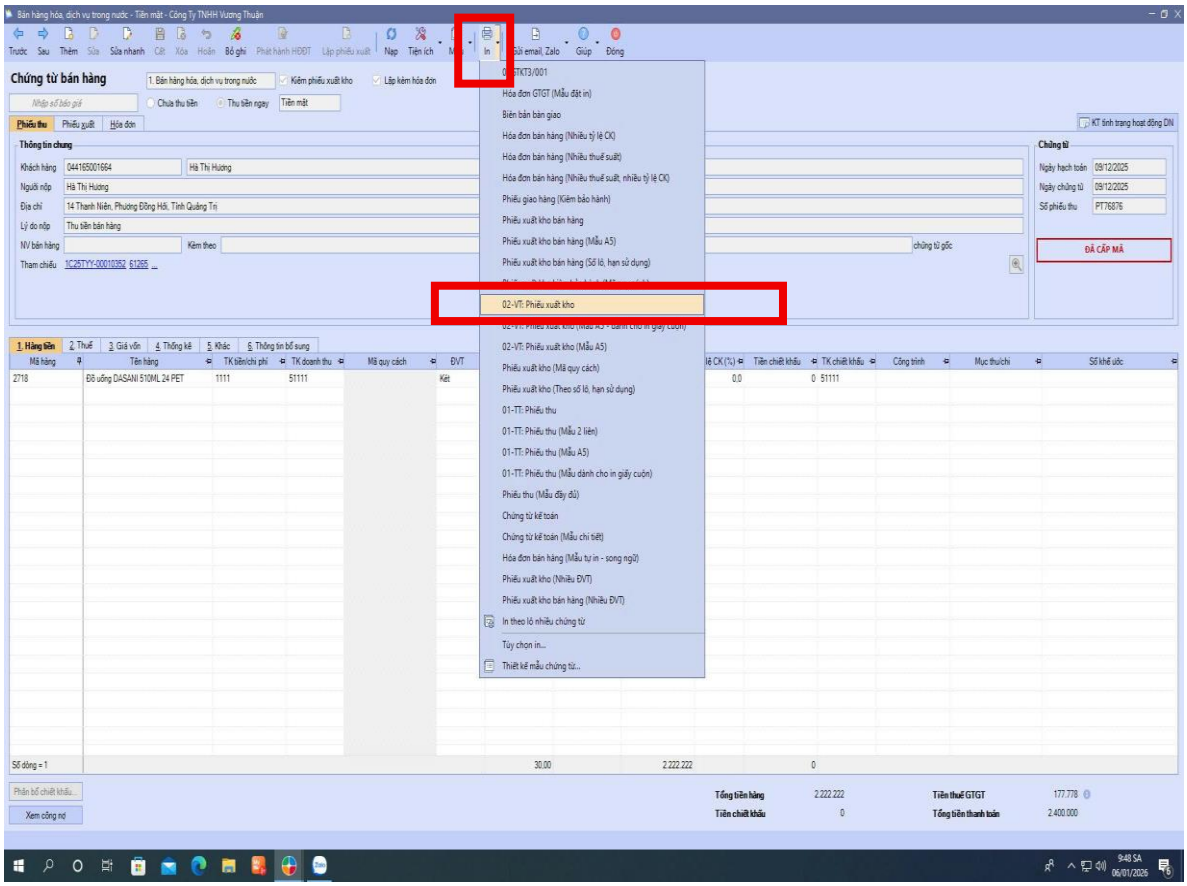

Hình 2.24 : Giao diện chứng từ bán hàng để lấy phiếu xuất kho trên phần mềm MISA

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 12 năm 2025 Nợ: 632
Số: 61265 Có: 1561

- Họ tên người nhận hàng: Hà Thị Hương
- Địa chỉ (bộ phận): 14 Thanh Niên, Phương Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Hà Thị Hương theo hóa đơn 00010352
- Xuất tại kho (ngăn lô): KHO COCACOLA Địa điểm: Cty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đồ uống DASANI 510ML 24 PET	2718	Két	30,00		54.941,85	1.648.256
	Cộng						1.648.256

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): ***Một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng chẵn.***
- Số chứng từ gốc kèm theo: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
	Hà Thị Hương		Nguyễn Thị Chiến	Bùi Hải Sơn

Hình 2.25 Phiếu xuất kho số 61265 theo HĐ số 00010352

- Sau khi phát sinh nghiệp vụ và giao hàng cho khách hàng, kế toán lập Hóa đơn GTGT số 00010257, sau đó kế toán lập chứng từ bán hàng phiếu xuất kho trên phần mềm để ghi nhận giá vốn.
- Sau khi nhập dữ liệu thì phần mềm tự động lên Sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	1111	300.000	
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	5112		277.778
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	33311		22.222
02/01/2025	02/01/2025	51283	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00000003	632	275.647	
02/01/2025	02/01/2025	51283	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00000003	155		275.647
03/01/2025	03/01/2025	22823	Bán hàng theo hóa đơn 00000030	131	30.132.000	
03/01/2025	03/01/2025	22823	Bán hàng theo hóa đơn 00000030	5113		27.900.000
03/01/2025	03/01/2025	22823	Bán hàng theo hóa đơn 00000030	33311		2.232.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	131	492.000.000	
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	51111		447.272.727
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	3331	...	44.727.273
02/12/2025	02/12/2025	61178	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010257	632	446.303.960	
02/12/2025	02/12/2025	61178	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010257	1561		446.303.960
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	1111	2.400.000	
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	51111		2.222.222
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	3331		177.778
09/12/2025	09/12/2025	61265	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010352	632	1.648.256	
09/12/2025	09/12/2025	61265	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010352	1561		1.648.256
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng					**2.914.263.074.200**	**2.914.263.074.200**

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.26 Sổ nhật ký chung năm 2025

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
02/01/2025	51283	02/01/2025	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00000003			155	275.647	
..	...	....	.....	...	..	.....	....	...
01/12/2025	61170	01/12/2025	Xuất kho bán hàngtheo hóa đơn 00010249			1561	81.031.200	
02/12/2025	61178	02/12/2025	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010257			1561	446.303.960	
..	...	....	.....	....	.....	.....	.....	.....
09/12/2025	61265	09/12/2025	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010352			1561	1.648.256	
12/10/2025	61266	12/10/2025	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010353			1561	753.096	
12/11/2025	61267	12/11/2025	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010354			1561	4.861.872	
...	....	....	.....	.....	.....	....	.....	.....
12/31/2025	62317	12/31/2025	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00011452			1561	16.206.240	
12/31/2025	NVK03049	12/31/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		292.356.230.956
			- Cộng số phát sinh				**292.356.230.956**	**292.356.230.956**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**292.356.230.956**	**292.356.230.956**

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.27 Sổ cái Tài khoản 632

2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính

a) Tài khoản sử dụng

Công ty dùng TK 635 "Chi phí tài chính" để phản ánh chi phí hoạt động tài chính của công ty.

b) Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan

c**) Sổ sách sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 635

d) Nghiệp vụ minh họa

- Vào ngày 09/12/2025 Công ty TNHH Vương Thuận nhận Ủy nhiệm chi số 07832 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với số tiền 3.214.338 vnd

efast.vietinbank.vn/PrintCreditDebitAdvice - Google Chrome

efast.vietinbank.vn/PrintCreditDebitAdvice

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

VietinBank

GIẤY BÁO NỢ
Debit Advice

Số giao dịch Transaction number	:23559		
Ngày thực hiện Transaction date	:09-12-2025 23:13:45		
Tên người chuyển Applicant name	:CONG TY TNHH VUONG THUAN		
Số tài khoản From account number	:111000020755		
Tại Ngân hàng With Bank	:47098 - CN QUANG BINH - HOI SO		
Người thụ hưởng Beneficiary			
Số tài khoản To account number	:		
Tại Ngân hàng With Bank			
Số tiền bằng số Amount in figures	:3,214,338	Loại tiền Currency	:VND
Số tiền bằng chữ Amount in words	:Ba triệu, hai trăm mười bốn nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng.		
Nội dung Remarks	:Tra no TK vay 806007411224,so tien 3214338 VND		
Kênh chuyển tiền Channel		In từ dịch vụ VietinBank eFAST Date Printed	:06/05/2026 15:09:31

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Hình 2.28 Giao diện giấy báo nợ của ngân hàng Vietinbank

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	1111	300.000	
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	5112		277.778
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	33311		22.222
03/01/2025	03/01/2025	22823	Bán hàng theo hóa đơn 00000030	131	30.132.000	
03/01/2025	03/01/2025	22823	Bán hàng theo hóa đơn 00000030	5113		27.900.000
03/01/2025	03/01/2025	22823	Bán hàng theo hóa đơn 00000030	33311		2.232.000
----	-----	----	----	----	----	----
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	131	492.000.000	
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	51111		447.272.727
02/12/2025	02/12/2025	25519	Bán hàng theo hóa đơn 00010257	3331		44.727.273
02/12/2025	02/12/2025	61178	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010257	632	446.303.960	
02/12/2025	02/12/2025	61178	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 00010257	1561		446.303.960
----	------	---	------	-------	---	---
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	1111	2.400.000	
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	51111		2.222.222
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	3331		177.778
09/12/2025	09/12/2025	UNC07832	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH . Trả , lãi vay	635	3.214.338	
09/12/2025	09/12/2025	UNC07832	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH . Trả , lãi vay	1121		3.214.338
----	-----	--------	-------	-----	-----	---------
Tổng cộng					**2.914.263.074.200**	**2.914.263.074.200**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.29 Sổ nhật ký chung năm 2025

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
10/01/2025	UNC06539	10/01/2025	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG BÌNH trả lãi vay			1121	74.410.959	
..	...	....	.....	.....	....	.....	....	....
07/10/2025	UNC07482	07/10/2025	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH . Trả , lãi vay			1121	6.146.770	
...	...	.....	.....	..	.....	...	.....	.....
09/12/2025	UNC07832	09/12/2025	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH . Trả , lãi vay			1121	3.214.338	
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			911		7.485.314.693
			- Cộng số phát sinh				**7.485.314.693**	**7.485.314.693**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**7.485.314.693**	**7.485.314.693**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.30 Sổ Cái TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinhg trong kỳ tại doanh nghiệp chủ yếu là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến cả hoạt động của doanh nghiệp như:

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương
- Chi phí mua ngoài
- Khấu hao TSCĐ

b. Tài khoản sử dụng

Theo TT 133/2026/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh là TK642

- Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- Công ty TNHH Vương Thuận chỉ sử dụng Tài khoản 6421

c. Chứng từ sử dụng

- Bảng chấm công
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ có liên quan khác

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 642
- Sổ chi tiết TK 6421

e. Nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 1: Ngày 27/03/2024 Công ty TNHH Vương Thuận phát sinh nghiệp vụ mua dầu tại Công tyy TNHH Thương Mại Tổng Hợp Xăng Dầu Việt Trung với số tiền là 175.232.260 vnd (Đã bao gồm thuế).

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày *(date)* 27 tháng *(month)* 03 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1C24TVT**
Số *(No.):* **1789**

Đơn vị bán hàng *(Issued):* **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG**
Mã số thuế *(Tax code):* **3100945949**
Địa chỉ *(Address):* **Thôn 5, Xã Phú Định, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam**
Điện thoại *(Phone number):* **0975667667**
Số tài khoản *(Account No.):* **Tại**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*
Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Mã số thuế *(Tax code):* 3100193343
Địa chỉ *(Address):* Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
Hình thức thanh toán *(Payment method):* CK **Số tài khoản** *(Account No.):*
Ghi chú *(Note):*

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Dầu DO 0.05S- II	Lít	8.662	18.390,9091	159.302.055
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	159.302.055
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount):*	15.930.205
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	175.232.260

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words):* Một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng *(Buyer)* **Người bán hàng** *(Seller)*

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
Ký ngày 27/03/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: PXHF3TSOR2SEU59. Mã của cơ quan thuế: 009EFE2F931AB54ED1A4D4376F8BB6BAC0

Hình 2.31 Hóa đơn GTGT số 1789

- Từ đó, kế toán hạch toán vào phần mềm như sau:

Bước 1: Vào mục “ Mua hàng”

Bước 2: Chọn “ Mua hàng hóa, dịch vụ”

Bước 3: Chọn “Thêm”

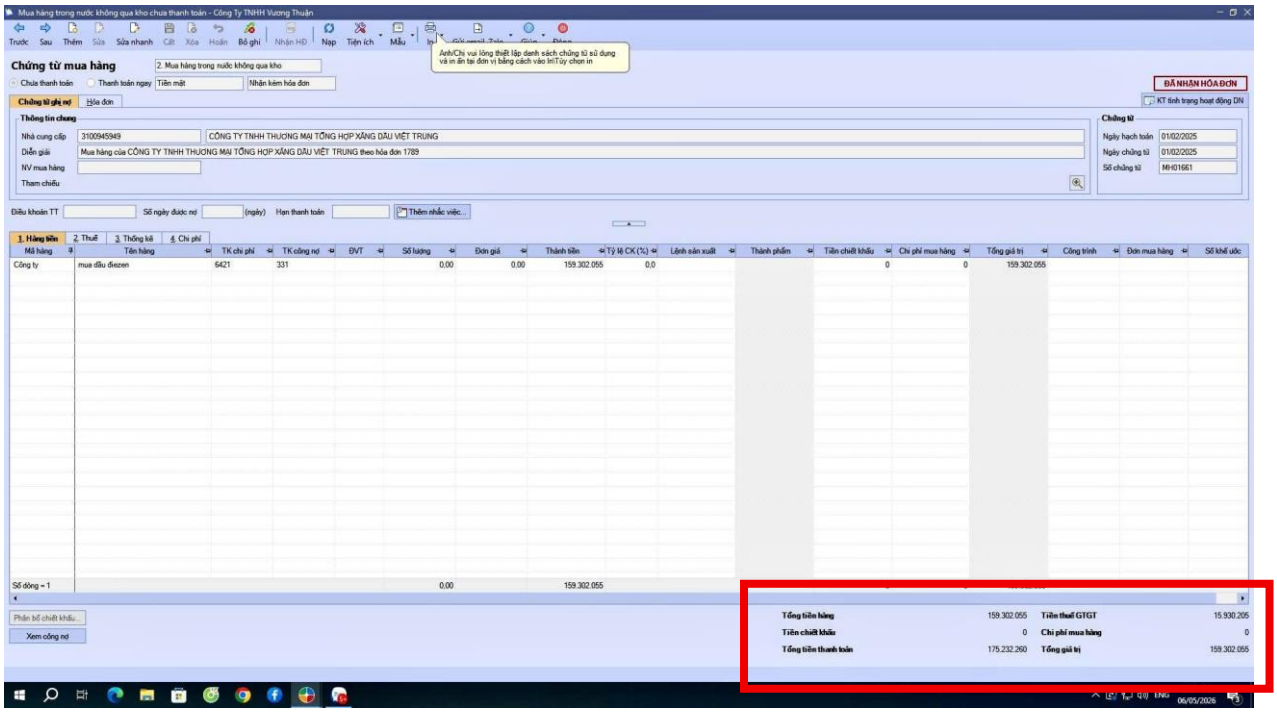

Hình 2.32 Giao diện chứng từ mua hàng ở phần mềm

Nghiệp vụ 2: Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương

VƯƠNG THUẬN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
Tháng 01 năm 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công	Trừ Bảo hiểm 10.5%	Trích nộp KPCĐ	Xăng xe, điện thoại	Hỗ trợ tiền ăn	Tiền trang phục	Tổng nhận	Ký nhận
1	Nguyễn Thị Chiến	Kế toán	5.800.000	27			540.000	571.800	200.000	7.111.800	
2	Trần Thị Hằng	Kế toán	5.118.700	18	537.000	51.000	360.000	486.000	200.000	3.870.467	
3	Trần Đình Khoá	Lxe 31 tấn	5.539.200	27	582.000	55.000	540.000	729.000	200.000	6.371.200	
4	Lưu Thành Chung	NVBH	4.810.000	27	505.000	48.000	540.000	729.000	200.000	5.726.000	
5	Lê Thị Thuý Kiều	Thủ kho	5.418.700	27	569.000	54.000	540.000	729.000	200.000	6.264.700	
6	Lê Văn Sang	CNBX	5.110.000	27	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.991.000	
7	Nguyễn Xuân Thuỷ	Lxe 31 tấn	5.539.200	27	582.000	55.000	540.000	729.000	200.000	6.371.200	
8	Lê Văn Tài	Lxe 31 tấn	5.639.200	27	592.000	56.000	540.000	729.000	200.000	6.460.200	
9	Nguyễn Việt Hà	NVBH	5.018.700	27	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
10	Trương Thuý Hằng	Thủ kho	5.318.700	27	558.000	53.000	540.000	729.000	200.000	6.176.700	
11	Bùi Thị Thanh Loan	NVBH	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
12	Nguyễn Thị Hoài	Kế toán	5.318.700	18	558.000	53.000	360.000	486.000	200.000	3.980.800	
13	Nguyễn Thị Nhạn	CNSXNU	5.218.700	27	548.000	52.000	540.000	729.000	200.000	6.087.700	
14	Đặng Thị Thuỷ	Kế toán	5.218.700	18	548.000	52.000	360.000	486.000	200.000	3.925.133	
15	Phan Thị Dung	Kế toán	5.218.700	18	548.000	52.000	360.000	486.000	200.000	3.925.133	
16	Nguyễn Văn Trường	Lxe 31 tấn	5.439.200	27	571.000	54.000	540.000	729.000	200.000	6.283.200	
17	Hoàng Văn Thắng	Lái xe 3,5 tấn	5.218.700	18	548.000	52.000	360.000	486.000	200.000	3.925.133	
18	Nguyễn Ngọc Ngoan	Lái xe 3,5 tấn	5.118.700	27	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
19	Nguyễn Văn Nghị	Lái xe 3,5 tấn	5.118.700	27	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
20	Trần Nguyên Đạo	Quản lý	5.118.700	27	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
21	Phan Đức Việt	Bảo vệ	4.610.000	27	484.000	46.000	540.000	729.000	200.000	5.549.000	
22	Bùi Hải Sơn	Giám đốc	5.318.700	27	558.000	53.000	540.000	729.000	200.000	6.176.700	
23	Võ Văn Dám	Lái xe nâng	5.118.700	27	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
24	Dương Thị Hồng Duyên	CNSXNU	5.018.700	27	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
25	Trương Thị Ty	Kế toán	4.918.700	27	516.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.822.700	
26	Châu Tiến Dũng	Lái xe 3,5 tấn	5.018.700	18	527.000	50.000	360.000	486.000	200.000	3.814.800	
27	Trương Thị Như ý	NVBH	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
28	Nguyễn Thị Mão	CNSXNU	5.018.700	27	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
29	Nguyễn Thị Nguyệt	CNSXNU	5.018.700	27	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
30	Phạm Thị Duyền	CNSXNU	5.018.700	27	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
31	Bùi Hải Minh	Lxe 31 tấn	5.139.200	18	540.000	51.000	360.000	486.000	200.000	3.881.133	
32	Hoàng Trung Kiên	Lái xe 3,5 tấn	4.918.700	27	516.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.822.700	
33	Phạm Văn Tỏa	Lái xei 33 tấn	5.139.200	18	540.000	51.000	360.000	486.000	200.000	3.881.133	
34	Trần Văn Thành	NVBH	4.610.000	27	484.000	46.000	540.000	729.000	200.000	5.549.000	
35	Lê Thị Hoài Hương	Kế toán	5.018.700	27	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
36	Nguyễn Thị Hồng	CNSXNU	5.539.200	27	582.000	55.000	540.000	729.000	200.000	6.371.200	
37	Nguyễn Hữu Bình	Lái xe 3,5 tấn	5.318.700	27	558.000	53.000	540.000	729.000	200.000	6.176.700	
38	Võ Bá Thanh	Lái xe 3,5 tấn	5.118.700	27	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
39	Bùi Công Thuận	Điều hành	4.510.000	27	474.000	45.000	540.000	729.000	200.000	5.460.000	
40	Lê Thị Hải Vân	Thủ kho	4.818.700	27	506.000	48.000	540.000	729.000	200.000	5.733.700	
41	Trương Viết Phúc	CNBX	4.510.000	27	474.000	45.000	540.000	729.000	200.000	5.460.000	
42	Phan Văn Tuyến	Lái xe 3,5 tấn	4.818.700	27	506.000	48.000	540.000	729.000	200.000	5.733.700	
43	Trần Ngọc Anh	Lái xe 3,5 tấn	4.818.700	27	506.000	48.000	540.000	729.000	200.000	5.733.700	
44	Phạm Ngọc Tuân	Lái xe 33 tấn	5.039.200	27	529.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.929.200	
45	Trần Công Nguyên	NVBH	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
46	Nguyễn Tiến Thành	Lxe 31 tấn	4.939.200	27	519.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.840.200	
47	Đinh Chí Công	NVBH	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
48	Đậu Quang Hà	CNBX	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
49	Bạch Thanh Hải	Lái xe 31 tấn	4.939.200	27	519.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.840.200	
50	Nguyễn T.Thanh Giang	Kế toán	4.718.700	27	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.645.700	
51	Lê Thị Trang	NVBH	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
52	Đặng Văn Thái	Lxe 3.5 tấn	4.718.700	27	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.645.700	
53	Trương Thị Hoài Phương	CNSXNU	4.718.700	27	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.645.700	
54	Nguyễn Hữu Thành	CNBX	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
55	Trần Thị Thúy	NVBH	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
56	Lê Văn đức	Lái xe 34 tấn	5.239.200	18	550.000	52.000	360.000	486.000	200.000	3.936.800	
57	Nguyễn Hữu Cảnh	Lái xe 34 tấn	4.939.200	27	519.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.840.200	
58	Phạm Phú Thượng	Lái xe 34 tấn	5.039.200	18	529.000	50.000	360.000	486.000	200.000	3.826.467	
59	Trần Văn Thông	Lái xe 34 tấn	4.939.200	27	519.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.840.200	
60	Nguyễn Thị Huyền Trang	Kế toán	4.718.700	27	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.645.700	
61	Trần Thị Nhạn	NVBH	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
62	Đặng Thế Lực	CNBX	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
63	Trương Thị Giang	CNBX	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
64	Võ Thiên Hương	CNBX	4.410.000	27	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
65	Nguyễn Văn Thuận	sửa chữa ô tô	5.118.700	27	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
66	Ngyễn Thị Quỳnh Dung	Kế toán	6.500.000	27	683.000	65.000	540.000	729.000	200.000	7.221.000	
67	Lê Tấn Thành	Lxe 3.5 tấn	4.719.000	27	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.646.000	
68	Lê Văn Lâm	Lxe 31 tấn	5.240.000	27	550.000	52.000	540.000	729.000		5.907.000	
69	Từ Viết Bảo	NVBH	4.410.000	27	463.000	44.000				3.903.000	
70	Nguyễn Hải Dương	Phó Giám đốc	8.500.000	27	893.000	85.000				7.522.000	
Tổng cộng			**349.196.200**	**1.800**	**36.242.000**	**3.438.000**	**34.920.000**	**46.984.800**	**13.400.000**	**389.398.000**	

(Bằng chữ: Ba trăm tám mươi chín triệu,ba trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn./.)

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị **Kế toán**

Hình 2.33 Bảng lương tháng 1/2025

Nghiệp vụ 3: Khấu hao TSCĐ

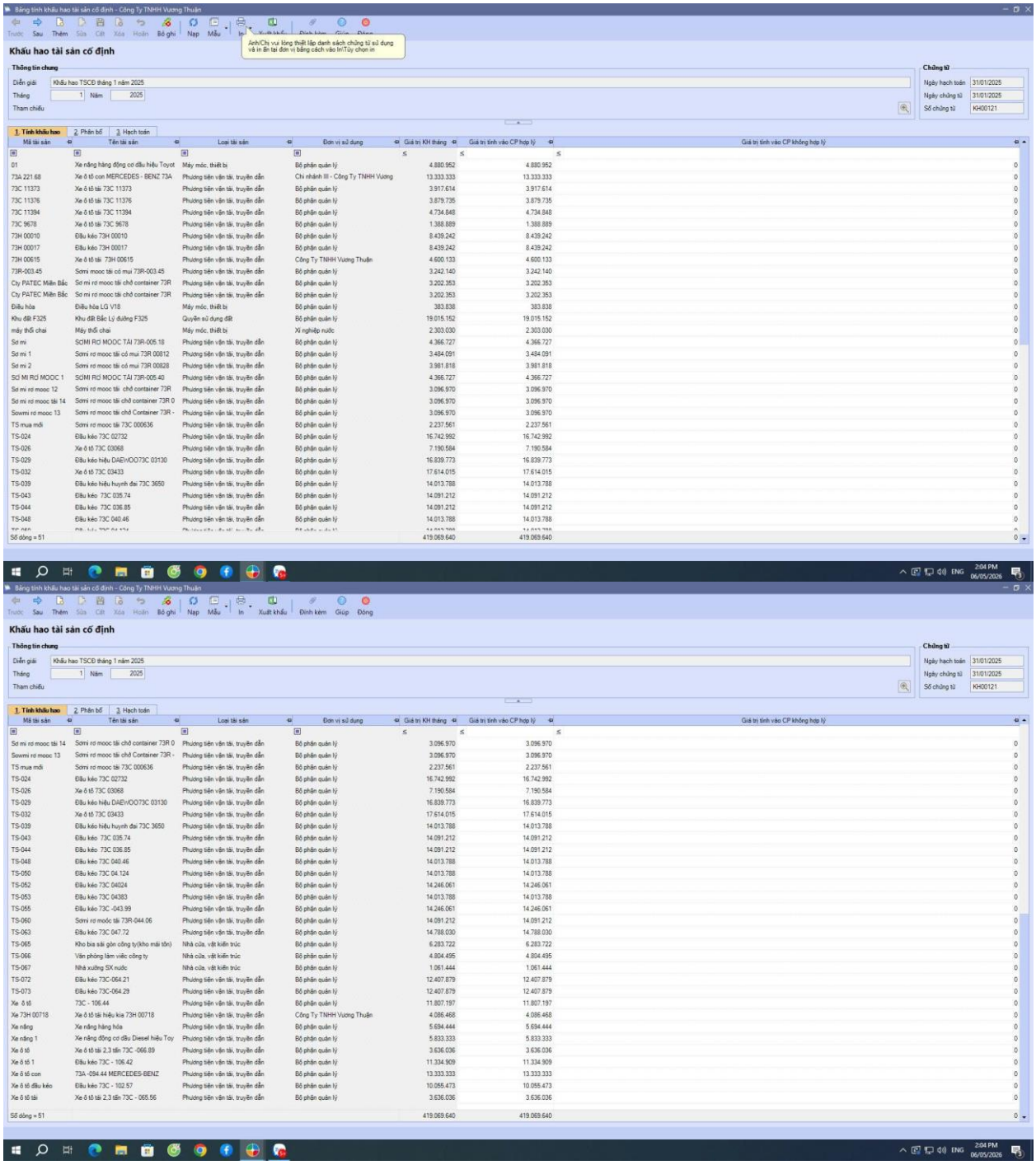

Hình 2.34 Giao diện Khấu hao TSCĐ tháng 1/2025 trên phần mềm Misa

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO NĂM					
Tháng1/ 2025					
Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Loại TSCĐ	Đơn vị sử dụng	Giá trị khấu hao tháng	Giá trị khấu Tháng 1
TS-067	Nhà xưởng SX r	Nhà cửa, vật kiến	Bộ phận quản lý	1.061.444	1.061.444
TS-066	Văn phòng làm	Nhà cửa, vật kiến	Bộ phận quản lý	4.804.495	4.804.495
TS-065	Kho bia sài gòn	Nhà cửa, vật kiến	Bộ phận quản lý	6.283.722	6.283.722
TS-024	Đầu kéo 73C 02	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	16.742.992	16.742.992
TS-029	Đầu kéo hiệu D	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	16.839.773	16.839.773
TS-026	Xe ô tô 73C 03	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	7.190.584	7.190.584
TS-032	Xe ô tô 73C 03	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	17.614.015	17.614.015
TS-039	Đầu kéo hiệu hu	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.013.788	14.013.788
TS-043	Đầu kéo 73C 0	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.091.212	14.091.212
TS-044	Đầu kéo 73C 0	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.091.212	14.091.212
TS-048	Đầu kéo 73C 04	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.013.788	14.013.788
TS-050	Đầu kéo 73C 04	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.013.788	14.013.788
TS-052	Đầu kéo 73C 04	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.246.061	14.246.061
TS-053	Đầu kéo 73C 04	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.013.788	14.013.788
TS-055	Đầu kéo 73C -0	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.246.061	14.246.061
TS-060	Sơmi rơ moóc t	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.091.212	14.091.212
TS-063	Đầu kéo 73C 04	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	14.788.030	14.788.030
73R-003.45	Sơmi mooc tải	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.242.140	3.242.140
TS-072	Đầu kéo 73C-0	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	12.407.879	12.407.879
TS-073	Đầu kéo 73C-0	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	12.407.879	12.407.879
Xe ô tô	Xe ô tô tải 2,3 t	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.636.036	3.636.036
Xe ô tô tải	Xe ô tô tải 2,3 t	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.636.036	3.636.036
Sơ mi	SƠMI RƠ MOC	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	4.366.727	4.366.727
SƠ MI RƠ M	SƠMI RƠ MOC	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	4.366.727	4.366.727
Xe ô tô con	73A -094.44 M	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	13.333.333	13.333.333
01	Xe nâng hàng đ	Máy móc, thiết b	Bộ phận quản lý	4.880.952	4.880.952
TS mua mới	Sơmi rơ mooc t	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	2.237.561	2.237.561
Xe nâng	Xe nâng hàng h	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	5.694.444	5.694.444
Xe ô tô đầu 1	Đầu kéo 73C -	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	10.055.473	10.055.473
Xe ô tô	73C - 106.44	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	11.807.197	11.807.197
Xe ô tô 1	Đầu kéo 73C -	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	11.334.909	11.334.909
73C 11394	Xe ô tô tải 73C	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	4.734.848	4.734.848
73C 11373	Xe ô tô tải 73C	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.917.614	3.917.614
73C 11376	Xe ô tô tải 73C	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.879.735	3.879.735
73C 9678	Xe ô tô tải 73C	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	1.388.889	1.388.889
Sơ mi rơ mo	Sơmi rơ mooc t	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.096.970	3.096.970
Sowmi rơ m	Sơmi rơ mooc t	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.096.970	3.096.970
Sơ mi rơ mo	Sơmi rơ mooc t	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.096.970	3.096.970
73H 00017	Đầu kéo 73H 0	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	8.439.242	8.439.242
73H 00010	Đầu kéo 73H 0	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	8.439.242	8.439.242
Khu đất F32	Khu đất Bắc Lý	Quyền sử dụng đ	Bộ phận quản lý	19.015.152	19.015.152
Sơ mi 1	Sơmi rơ mooc t	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.484.091	3.484.091
Sơ mi 2	Sơmi rơ mooc t	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.981.818	3.981.818
73A 221.68	Xe ô tô con ME	Phương tiện vận t	Công Ty TNHH Vu	13.333.333	13.333.333
73H 00615	Xe ô tô tải 73H	Phương tiện vận t	Công Ty TNHH Vu	4.600.133	4.600.133
Xe 73H 007	Xe ô tô tải hiệu	Phương tiện vận t	Công Ty TNHH Vu	4.086.468	4.086.468
máy thổi cha	Máy thổi chai	Máy móc, thiết b	Xí nghiệp nước	2.303.030	2.303.030
Xe nâng 1	Xe nâng động c	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	5.833.333	5.833.333
Điều hòa	Điều hòa LG V1	Máy móc, thiết b	Bộ phận quản lý	383.838	383.838
Cty PATEC I	Sơ mi rơ mooc	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.202.353	3.202.353
Cty PATEC I	Sơ mi rơ mooc	Phương tiện vận t	Bộ phận quản lý	3.202.353	3.202.353
Số dòng = 71				419.069.640	419.069.640

Hình 2.35 Bảng tính khấu hao Tháng1/2025

Từ đó, kế toán lên sổ nhật ký chung và sổ cái Tài khoản 6421

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	1111	300.000	
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	5112		277.778
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	33311		22.222
....	.....	....	....	....	....	....
31/01/2025	31/01/2025	KH00121	Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2025	6421	416.766.610	
31/01/2025	31/01/2025	KH00121	Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2025	154	2.303.030	
31/01/2025	31/01/2025	KH00121	Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2025	2141		400.054.488
31/01/2025	31/01/2025	KH00121	Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2025	2143		19.015.152
.....	...	.....	.....	.....	.....	.....
01/02/2025	01/02/2025	MH01661	Mua hàng theo hóa đơn 1789	6421	159.302.055	
01/02/2025	01/02/2025	MH01661	Mua hàng theo hóa đơn 1789	1331	15.930.205	
01/02/2025	01/02/2025	MH01661	Mua hàng theo hóa đơn 1789	331		175.232.260
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/02/2025	28/02/2025	NVK02988	Lương phải trả CNV tháng 01/2025	6421	389.398.000	
28/02/2025	28/02/2025	NVK02988	Lương phải trả CNV tháng 01/2025	334		389.398.000
....	.....	...	.....	.....	...	...
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	1111	2.400.000	
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	51111		2.222.222
09/12/2025	09/12/2025	PT76876	Thu tiền bán hàng	3331		177.778
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng					**2.914.263.074.200**	**2.914.263.074.200**

Người lập biểu *(Ký, họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, họ tên)* | **Giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.36 Trích Sổ nhật ký chung năm 2025

CÔNG TY TNH+A1:K21H VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 6421 - Chi phí bán hàng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
01/01/2025	**8454**	01/01/2025	Chi tiền mua hàng hóa đơn 285304			1111	4.760.000	
....	....	...	....			...	...	...
31/01/2025	**KH00121**	31/01/2025	Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2025			2141	400.054.488	
31/01/2025	**KH00121**	31/01/2025	Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2025			2143	19.015.152	
.....	.....	...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
01/02/2025	**MH01661**	01/02/2025	Mua hàng theo hóa đơn 1789			331	159.302.055	
...	....	....	.....			...	....	....
28/02/2025	**NVK02988**	28/02/2025	Lương phải trả CNV tháng 01/2025			334	389.398.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2025	**NVK03049**	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		16.945.475.219
...	....	....	....			...	....	....
			Cộng số phát sinh				**16.945.475.219**	**16.945.475.219**
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu năm				**16.945.475.219**	**16.945.475.219**

Người lập biểu *(Ký, họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, họ tên)* | **Giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.37 Sổ cái Tài khoản 6421

2.2.2.4 Kế toán chi phí khác

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

b) Sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 811

c) Kế toán chi phí khác của Công ty

- Vào ngày 01/10/2025 Công ty TNHH Vương Thuận nhượng bán, thanh lý xe ô tô con 5 chỗ ngồi biển số 73A-043.54 với trị giá 450.731.836 vnd. Từ đó kế toán ghi giảm TSCĐ và hạch toán lên Tài khoản 811
- Kế toán hạch toán lên phần mềm như sau:

Hình 2.38 Giao diện ghi giảm tài sản cố định

- Từ đó kế toán lên Sổ chi tiết TK811 như sau:

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 811; Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
10/02/2025	10/02/2025	NVK02760	nộp chậm phạt thuế	811	33381	26.027	0	26.027	0
04/03/2025	04/03/2025	GGTS00019	Xử lý giá trị còn lại	811	21113	713.347.304	0	713.373.331	0
09/04/2025	09/04/2025	GGTS00016	Xử lý giá trị còn lại	811	21113	170.285.541	0	883.658.872	0
23/04/2025	23/04/2025	GGTS00020	Xử lý giá trị còn lại	811	21113	345.722.222	0	1.229.381.094	0
12/05/2025	12/05/2025	GGTS00018	Xử lý giá trị còn lại	811	21113	2.540.678.815	0	3.770.059.909	0
21/05/2025	21/05/2025	GGTS00021	Xử lý giá trị còn lại	811	21113	441.258.831	0	4.211.318.740	0
01/10/2025	01/10/2025	GGTS00017	Xử lý giá trị còn lại	811	21113	450.731.836	0	4.662.050.576	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	811	911	0	4.662.050.576	0	0
			Cộng	811		4.662.050.576	4.662.050.576		
			Số dư cuối kì	811				0	0
Số dòng = 10						**4.662.050.576**	**4.662.050.576**		

Hình 2.39 Sổ chi tiết tài khoản 811

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 811 - Chi phí khác

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
10/2/2025	NVK02760	10/2/2025	nộp chậm phạt thuế			33381	26.027	
04/03/2025	GGTS00019	04/03/2025	Xử lý giá trị còn lại			21113	713.347.304	...
09/4/2025	GGTS00016	09/4/2025	Xử lý giá trị còn lại			21113	170.285.541	
23/04/2025	GGTS00020	23/04/2025	Xử lý giá trị còn lại			21113	345.722.222	
12/2/2025	GGTS00018	12/5/2025	Xử lý giá trị còn lại		.....	21113	2.540.678.815	.....
21/05/2025	GGTS00021	21/05/2025	Xử lý giá trị còn lại			21113	441.258.831	
01/10/2025	GGTS00017	01/10/2025	Xử lý giá trị còn lại			21113	450.731.836	....
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ			911		4.662.050.576
			Cộng số phát sinh				**4.662.050.576**	**4.662.050.576**
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu năm				**4.662.050.576**	**4.662.050.576**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 2.40 Sổ cái TK 811

2.2.2.5 Kế toán chi phí thuế TNDN

a) Tài khoản sử dụng

Trong kỳ tính thuế năm 2025 Công ty TNHH Vương Thuận có thu nhập chịu thuế âm nên thu nhập tính thuế bằng 0 dẫn đến Công ty không phát sinh nghĩa vụ thuế. Vì vậy doanh nghiệp không thực hiện bút toán ghi nhận vào Tài khoản 821 (Chi phí thuế TNDN)

b) Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

c) Kế toán chi phí thuế TNDN của Công ty

Để lập tờ khai thuế, kế toán vào phần mềm MISA SME 2023 để kiểm tra lại bảng cân đối tài khoản, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

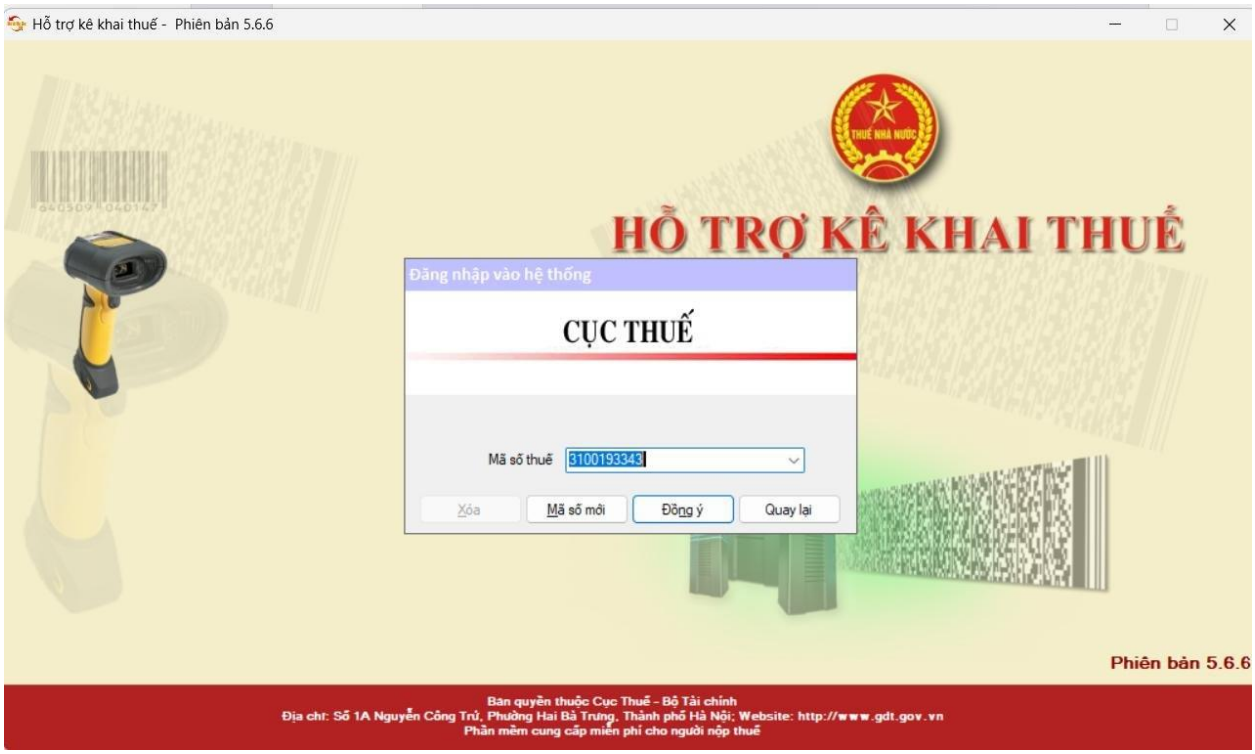

Hình 2.41 Giao diện đăng nhập phần mềm HTTK

Hình 2.42 Giao diện phần mềm HTTK

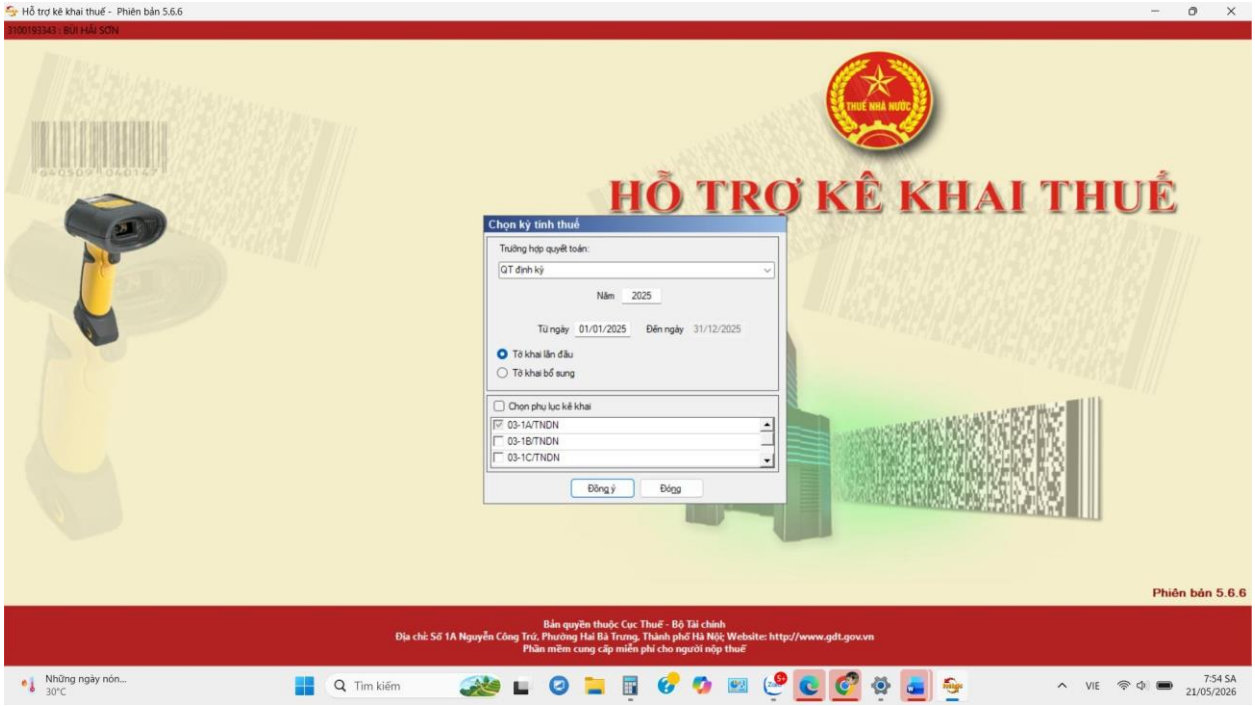

Hình 2.43 Giao diện chọn tờ khai thuế

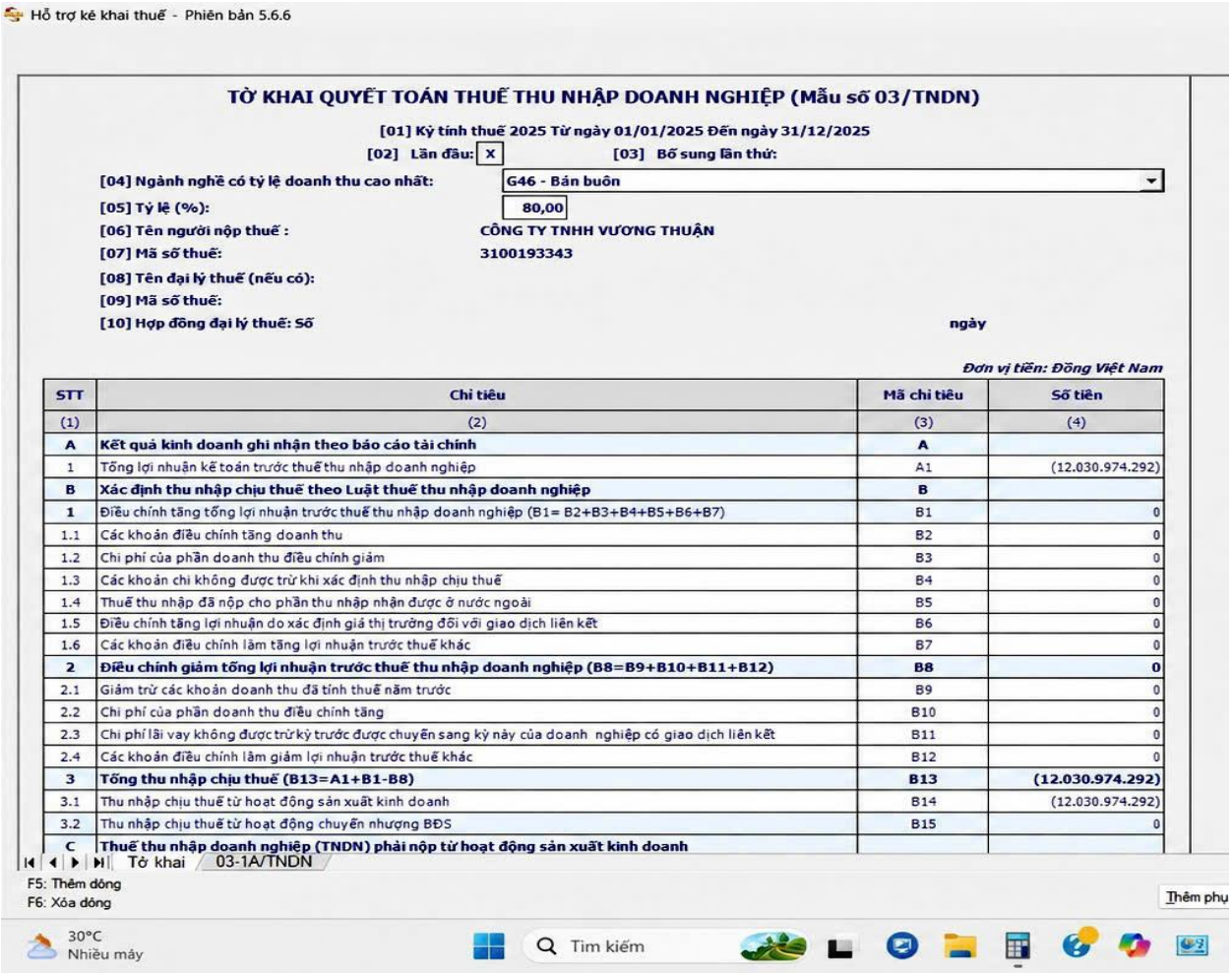

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 5.6.6

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: X **[03] Bổ sung lần thứ:**

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 80,00

[06] Tên người nộp thuế : CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

[07] Mã số thuế: 3100193343

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số **ngày**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(12.030.974.292)
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**(12.030.974.292)**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(12.030.974.292)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		

Tờ khai 03-1A/TNDN

F5: Thêm dòng
F6: Xóa dòng

Thêm phụ

30°C Nhiều mây Tìm kiếm

Hình 2.44 Giao diện kê khai thuế TNDN

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 5.6.6

PHỤ LỤC 03-1A

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	**306.200.448.364**
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	**0**
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	**30.419.145**
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	*[11]*	*0*
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	**309.301.706.175**
a	Giá vốn hàng bán	[13]	292.356.230.956
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	16.945.475.219
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	**7.485.314.693**
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	**(10.556.153.359)**
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	**3.187.229.643**
8	**Chi phí khác**	**[20]**	**4.662.050.576**
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	**(1.474.820.933)**
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	**(12.030.974.292)**

Hình 2.45 Giao diện phụ lục 03-1A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

[02] Lần đầu: [X] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn
[05] Tỷ lệ (%): 80,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
[07] Mã số thuế: 3100193343

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(12.030.974.292)
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	**0**
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**(12.030.974.292)**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(12.030.974.292)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(12.030.974.292)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	*0*
3.2	*+ Lãi từ hoạt động SXKD được bù trừ trong kỳ*	*C3b*	*0*

3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	*0*
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%*	*C7*	*0*
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	*0*
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	*0*
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	*0*
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	*0*
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	*0*
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	**0**
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**0**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	*0*
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		***0***
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0

2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**0**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 20 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Bùi Hải Sơn

Hình 2.46 Tờ khai thuế TNDN

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
[03] Mã số thuế: 3100275998

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	306.200.448.364
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	30.419.145
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	309.301.706.175
a	Giá vốn hàng bán	[13]	292.356.230.956
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	16.945.475.219
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	7.485.314.693
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	(10.556.153.359)
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	3.187.229.643
8	**Chi phí khác**	**[20]**	4.662.050.576
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	(1.474.820.933)
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	(12.030.974.292)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai/...

Ngày 20 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Bùi Hải Sơn

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN*
Ngày ký: 26/03/2026 10:30:05.

Hình 2.47 Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.2.6 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

a) Tài khoản sử dụng

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản loại 5,6,7,8 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của Công ty

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK911
- Sổ chi tiết TK 911

c) Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Cuối kỳ, kế toán vào phần mềm MISA SME 2023 để kết chuyển lãi, lỗ

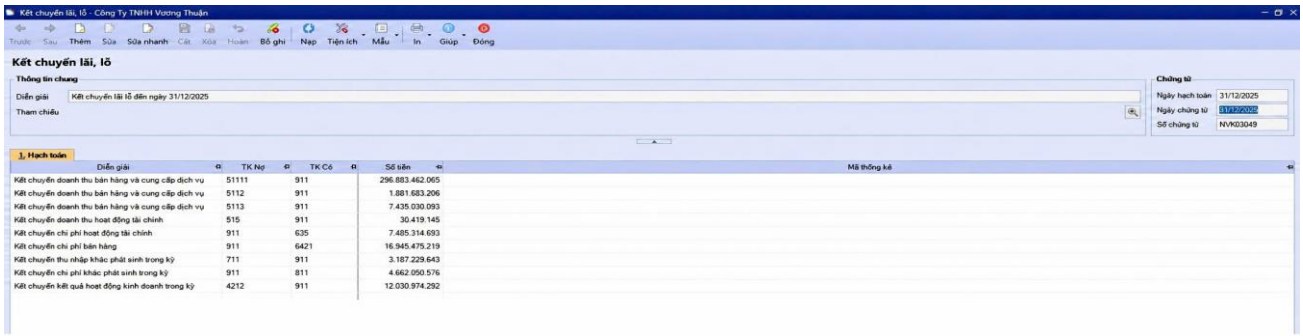

Hình 2.48 Giao diện kết chuyển lãi, lỗ

- Sau khi hạch toán kết chuyển lãi, lỗ thì phầm mềm sẽ tự động lên sổ Nhật ký chung và sổ cái TK911

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Đường Trần Quang Khải, Phường
Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	1111	300.000	
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	5112		277.778
02/01/2025	02/01/2025	PT68867	Thu tiền bán hàng	33311		22.222
....	.....	....	....	....	....	....
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	51111	296.886.822.416	
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5112	1.881.683.206	
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5113	7.435.303.093	
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	515	30.419.145	
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	321.449.071.444	
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	711	3.187.229.643	
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	4212	12.030.974.292	
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	51114		3.360.351
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911		321.449.071.444
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	632		292.356.230.956
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	635		7.485.314.693
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6421		16.945.475.219
31/12/2025	31/12/2025	NVK03049	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	811		4.662.050.576
Tổng cộng					**2.914.263.074.200**	**2.914.263.074.200**

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.49 Trích Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212		12.030.974.292
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			51111		296.883.462.065
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5112		1.881.683.206
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5113		7.435.303.093
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			515		30.419.145
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			632	292.356.230.956	
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			635	7.485.314.693	
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6421	16.945.475.219	
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			711		3.187.229.643
31/12/2025	NVK03049	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			811	4.662.050.576	
			- Cộng số phát sinh				321.449.071.444	321.449.071.444
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				321.449.071.444	321.449.071.444

Hình 2.50 Sổ cái TK 911

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
[03] Mã số thuế: 3100275998

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**306.200.448.364**	**318.165.340.871**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	VI.2	**0**	**4.303.333**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**306.200.448.364**	**318.161.037.538**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.3	**292.356.230.956**	**311.392.906.985**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**13.844.217.408**	**6.768.125.553**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	VI.4	**30.419.145**	**1.831.791**
7. Chi phí tài chính	**22**	VI.5	**7.485.314.693**	**6.792.627.799**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**	VI.6	**16.945.475.219**	**23.275.066.067**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**(10.556.153.359)**	**(23.297.736.522)**
10. Thu nhập khác	**31**	VI.7	**3.187.229.643**	**8.005.366.236**
11. Chi phí khác	**32**	VI.8	**4.662.050.576**	**106.326.206**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(1.474.820.933)**	**7.899.040.030**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(12.030.974.292)**	**(15.398.696.492)**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**	VI.9	**0**	**0**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**(12.030.974.292)**	**(15.398.696.492)**

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên)*	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
Nguyễn Thị Chiến	Nguyễn Thị Chiến	Bùi Hải Sơn

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN*
Ngày ký: 26/03/2026 10:30:05.

Hình 2.51 Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN

3.1 Đánh giá về công tác kế toán tại Công ty TNHH Vương Thuận

3.1.1 Nhận xét chung

- Trong thời gian xây dựng và phát triển vừa qua, Công ty TNHH Vương Thuận đã vượt qua nhiều khó khăn để tồn tại và phát triển. Cho đến nay công ty đã có thể khẳng định được vị trí của mình trên thị trường bằng các sản phẩm, dịch vụ chăm sóc khách hàng của mình. Có được thành quả này là nhờ có sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên của công ty, sự điều hành năng động sáng tạo của ban lãnh đạo công ty, họ đã tìm nhiều biện pháp thúc để đẩy việc kinh doanh phát triển nhằm tăng doanh thu, đồng thời tiết kiệm chi phí để có lãi.

Cùng với sự phát triển của toàn công ty, công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng cũng không ngừng được củng cố và hoàn thiện nhằm đáp ứng các yêu cầu thông tin kiểm tra trong quản lý.

a) Về tổ chức bộ máy kế toán

- Phòng kế toán của công ty được biên chế gọn nhẹ, mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán đồng thời có sự phối hợp với các phần hành khác, các nhân viên kế toán đều có trình độ chuyên môn và có nhiều kinh nghiệm nên bộ máy kế toán của công ty hoạt động có hiệu quả.
- Hơn nữa công ty đã trang bị sử dụng hệ thống kế toán máy nên việc hạch toán và lên sổ sách chi tiết tổng hợp rất nhanh gọn, chính xác giảm đáng kể khối lượng ghi chép hàng ngày
- Với khối lượng công việc lớn như vậy và với khối lượng nghiệp vụ phát sinh lớn trong ngày sẽ gây khó khăn cho kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nên theo em phòng kế toán công ty nên biên chế thêm nhân viên để công tác hạch được đảm bảo đầy đủ kịp thời và chính xác.

b) Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

- Hệ thống sổ kế toán tại Công ty TNHH Vương Thuận được tổ chức tương đối đầy đủ và phù hợp với hình thức ghi sổ Nhật ký chung. Các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được mở và ghi chép theo đúng quy định, đảm bảo phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Việc tổ chức hệ thống sổ giúp kế toán thuận tiện trong công tác theo dõi, đối chiếu số liệu và lập báo cáo tài chính. Nhìn chung, hệ thống sổ kế toán của công ty được tổ chức hợp lý và đáp ứng yêu cầu quản lý kế toán.

3.1.2 Ưu điểm

a) Về tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy kế toán của Công Ty TNHH Vương Thuận được tổ chức theo mô hình tập trung nhằm đảm bảo việc quản lý tài chính – kế toán được thực hiện thống nhất, chính xác và hiệu quả. Các nhân viên kế toán được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với trình độ chuyên môn và yêu cầu công việc.
- Công ty có một đội ngũ kế toán đầy năng lực, giàu kinh nghiệm làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Bộ máy kế toán của công ty được sắp xếp phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng của mỗi người.

➢ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối hợp lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các bộ phận. Điều này giúp công tác kế toán được thực hiện hiệu quả, đảm bảo cung cấp thông tin tài chính kịp thời và chính xác phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

b) Về tổ chức công tác kế toán

- Công Ty TNHH Vương Thuận tổ chức công tác kế toán theo quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 133 giúp công ty thực hiện công tác hạch toán kế toán phù hợp với quy mô hoạt động, đồng thời đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành
- Công ty áp dụng hình thức kế toán phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động kinh doanh. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép và xử lý thông qua phần mềm MISA SME 2023 nhằm đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng và thuận tiện trong việc tổng hợp số liệu.

.- Hệ thống sổ sách kế toán khá đầy đủ, tỉ mỉ, ghi chép đầy đủ, cụ thể, rõ ràng cho từng đối tượng và mở sổ sách kế toán theo đúng chế độ quy định.

3.1.3 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật, công tác kế toán và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vương Thuận vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như sau:

a) Kế toán giá vốn

- Ở phần giá vốn, Công ty chưa thể hiện được giá vốn của việc cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển

b) Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Tồn tại chủ yếu do các nguyên nhân kế toán không vào sổ sách kịp thời, không nắm vững nghiệp vụ gây ra một số nhầm lẫn không đáng có trong công ty.

Vào ngày 27/03/2024 phát sinh nghiệp vụ mua Dầu nhưng đến năm 2025 kế toán mới hạch toán:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày *(date)* 27 tháng *(month)* 03 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1C24TVT**
Số *(No.):* **1789**

Đơn vị bán hàng *(Issued):* **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG**
Mã số thuế *(Tax code):* **3100945949**
Địa chỉ *(Address):* **Thôn 5, Xã Phú Định, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam**
Điện thoại *(Phone number):* **0975667667**
Số tài khoản *(Account No.):* **Tại**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*
Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Mã số thuế *(Tax code):* 3100193343
Địa chỉ *(Address):* Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
Hình thức thanh toán *(Payment method):* CK **Số tài khoản** *(Account No.):*
Ghi chú *(Note):*

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Dầu DO 0.05S- II	Lít	8.662	18.390,9091	159.302.055
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	159.302.055
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount):*	15.930.205
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	175.232.260

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words):* Một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng *(Buyer)* **Người bán hàng** *(Seller)*

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
Ký ngày 27/03/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: PXHF3TSOR2SEU59. Mã của cơ quan thuế: 009EFE2F931AB54ED1A4D4376F8BB6BAC0

- Việc phân loại các khoản chi phí chưa được chi tiết, gây khó khăn cho công tác theo dõi và quản lý chi phí.

Việc hạch toán chi phí tiền lương của Công ty hiện hạch toán toàn bộ chi phí tiền lương của nhân viên vào TK 6421 mà chưa thực hiện phân loại giữa TK 6421 và TK 6422. Điều này làm cho việc theo dõi chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản

lý doanh nghiệp chưa được rõ ràng, gây khó khăn trong công tác quản lý và phân tích chi phí của doanh nghiệp. Đơn vị đã hạch toán như sau:

- Nợ TK 6421: 389.398.000
- Có TK 334: 389.398.000

c) Kế toán thu nhập khác

- Công tác hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chưa thật sự hợp lý và đầy đủ.

CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN
Số 33 Trần Quang Khải, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
13/01/2025	NVK0270	13/01/2025	Cty Taisho trả chiết khấu doanh số tháng 12/2024 theo HĐ số 192 ngày 08 tháng 01 năm 2025			131		53.650.891
...	...	....	.....			...		....
28/02/2025	NVK0273	28/02/2025	Cty Kinh đô thanh toán chương trình thần tài may mắn			331		2.500.000
...	...	....	.....			...		....
29/05/2025	23994	29/05/2025	Bán hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN theo hóa đơn 00003695			131		7.467.655
...	...	....	.....			...		...
....	....	....	.....			...		.....
31/12/2025	NVK0304	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	3.187.229.643	
			- Cộng số phát sinh				**3.187.229.643**	**3.187.229.643**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**3.187.229.643**	**3.187.229.643**

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Nhận chiết khấu của Công ty Taisho hạch toán vào ngày 13/01/2025 kế toán định khoản như sau:

- Nợ TK 131: 57.942.962
- Có TK 711: 53.650.891
- Có TK 3331: 4.292.071

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Vương Thuận

a) Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Nghiệp vụ 1: Công ty đã phát sinh nghiệp vụ mua dầu vào ngày 27/03/2024 nhưng đến ngày 01/02/2025 Công ty mới hạch toán vào phần mềm và lên các sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 642, Sổ chi tiết TK 6421

- Từ đó sẽ không nắm bắt được công nợ. Điều này dẫn đến việc sổ sách kế toán lủng củng và gặp khó khăn cho việc lập báo cáo.
- Công ty nên chú tâm hơn về việc theo dõi, đối chiếu và kiểm tra chứng từ thường xuyên để tránh xảy ra những sai sót.

Nghiệp vụ 2: Tiền lương, BHXH, BHYT và BHTN

- Khi hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương, công ty cần phản ánh đầy đủ tiền lương phải trả cho người lao động vào TK 334 và các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn vào TK 338 theo đúng quy định kế toán hiện hành.

Định khoản 1: Ghi nhận tiền lương phải trả

- Nợ TK 642:
- Có TK 334:

Định khoản 2: Khấu trừ bảo hiểm và kinh phí công đoàn

- Nợ TK 334:
- Có TK 338:

Định khoản 3: Chi trả lương thực tế

- Nợ TK 334:
- Có TK 111/112:

Định khoản 4: Trích bảo hiểm do nghiệp phải chịu

- Nợ TK 642:
- Có TK 338:

- Công ty nên tách tiền lương theo từng bộ phận, phòng ban

CÔNG TY TNHH
VƯƠNG THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
Tháng 01 năm 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công	Lương thực tế	Các khoản trích		Các khoản phụ cấp			Tổng nhận	Ký nhận
						Trừ Bảo hiểm 10.5%	Trích nộp KPCĐ	Xăng xe, điện thoại	Hỗ trợ tiền ăn	Tiền trang phục		
1. Bộ Phận Quản Lý												
1	Nguyễn Thị Chiến	Kế toán	5.800.000	27	5.800.000			540.000	571.800	200.000	7.111.800	
2	Trần Thị Hằng	Kế toán	5.118.700	18	3.412.467	537.000	51.000	360.000	486.000	200.000	3.870.467	
5	Lê Thị Thuý Kiều	Thủ kho	5.418.700	27	5.418.700	569.000	54.000	540.000	729.000	200.000	6.264.700	
10	Trương Thuý Hằng	Thủ kho	5.318.700	27	5.318.700	558.000	53.000	540.000	729.000	200.000	6.176.700	
12	Nguyễn Thị Hoài	Kế toán	5.318.700	18	3.545.800	558.000	53.000	360.000	486.000	200.000	3.980.800	
14	Đặng Thị Thuỷ	Kế toán	5.218.700	18	3.479.133	548.000	52.000	360.000	486.000	200.000	3.925.133	
15	Phan Thị Dung	Kế toán	5.218.700	18	3.479.133	548.000	52.000	360.000	486.000	200.000	3.925.133	
20	Trần Nguyên Đạo	Quản lý	5.118.700	27	5.118.700	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
22	Bùi Hải Sơn	Giám đốc	5.318.700	27	5.318.700	558.000	53.000	540.000	729.000	200.000	6.176.700	
25	Trương Thị Ty	Kế toán	4.918.700	27	4.918.700	516.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.822.700	
35	Lê Thị Hoài Hương	Kế toán	5.018.700	27	5.018.700	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
39	Bùi Công Thuận	Thủ kho	4.510.000	27	4.510.000	474.000	45.000	540.000	729.000	200.000	5.460.000	
40	Lê Thị Hải Vân	Thủ kho	4.818.700	27	4.818.700	506.000	48.000	540.000	729.000	200.000	5.733.700	
50	Nguyễn T.Thanh Giang	Kế toán	4.718.700	27	4.718.700	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.645.700	
60	Nguyễn Thị Huyền Trang	Kế toán	4.718.700	27	4.718.700	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.645.700	
66	Nguyễn Thị Quỳnh Dung	Kế toán	6.500.000	27	6.500.000	683.000	65.000	540.000	729.000	200.000	7.221.000	
70	Nguyễn Hải Dương	Phó Giám đốc	8.500.000	27	8.500.000	893.000	85.000				7.522.000	
Tổng cộng			**349.196.200**	**1.800**	**84.594.833**	**9.002.000**	**855.000**	**7.920.000**	**10.534.800**	**3.200.000**	**96.392.633**	

(Bằng chữ: Ba trăm tám mươi chín triệu,ba trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn./.)

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị **Kế toán**

CÔNG TY TNHH
VƯƠNG THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
Tháng 01 năm 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công	Lương thực tế	Các khoản trích		Các khoản phụ cấp			Tổng nhận	Ký nhận
						Trừ Bảo hiểm 10.5%	Trích nộp KPCĐ	Xăng xe, điện thoại	Hỗ trợ tiền ăn	Tiền trang phục		
1. Bộ Phận Bán Hàng												
3	Trần Đình Khoá	Lxe 31 tấn	5.539.200	27	5.539.200	582.000	55.000	540.000	729.000	200.000	6.371.200	
4	Lưu Thành Chung	NVBH	4.810.000	27	4.810.000	505.000	48.000	540.000	729.000	200.000	5.726.000	
6	Lê Văn Sang	CNBX	5.110.000	27	5.110.000	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.991.000	
7	Nguyễn Xuân Thuỷ	Lxe 31 tấn	5.539.200	27	5.539.200	582.000	55.000	540.000	729.000	200.000	6.371.200	
8	Lê Văn Tài	Lxe 31 tấn	5.639.200	27	5.639.200	592.000	56.000	540.000	729.000	200.000	6.460.200	
9	Nguyễn Việt Hà	NVBH	5.018.700	27	5.018.700	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
11	Bùi Thị Thanh Loan	NVBH	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
13	Nguyễn Thị Nhạn	CNSXNU	5.218.700	27	5.218.700	548.000	52.000	540.000	729.000	200.000	6.087.700	
16	Nguyễn Văn Trường	Lxe 31 tấn	5.439.200	27	5.439.200	571.000	54.000	540.000	729.000	200.000	6.283.200	
17	Hoàng Văn Thắng	Lái xe 3,5 tấn	5.218.700	18	3.479.133	548.000	52.000	360.000	486.000	200.000	3.925.133	
18	Nguyễn Ngọc Ngoan	Lái xe 3,5 tấn	5.118.700	27	5.118.700	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
19	Nguyễn Văn Nghị	Lái xe 3,5 tấn	5.118.700	27	5.118.700	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
21	Phan Đức Việt	Bảo vệ	4.610.000	27	4.610.000	484.000	46.000	540.000	729.000	200.000	5.549.000	
23	Võ Văn Dám	Lái xe nâng	5.118.700	27	5.118.700	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
24	Dương Thị Hồng Duyên	CNSXNU	5.018.700	27	5.018.700	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
26	Châu Tiến Dũng	Lái xe 3,5 tấn	5.018.700	18	3.345.800	527.000	50.000	360.000	486.000	200.000	3.814.800	
27	Trương Thị Như ý	NVBH	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
28	Nguyễn Thị Mão	CNSXNU	5.018.700	27	5.018.700	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
29	Nguyễn Thị Nguyệt	CNSXNU	5.018.700	27	5.018.700	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
30	Phạm Thị Duyền	CNSXNU	5.018.700	27	5.018.700	527.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.910.700	
31	Bùi Hải Minh	Lxe 31 tấn	5.139.200	18	3.426.133	540.000	51.000	360.000	486.000	200.000	3.881.133	
32	Hoàng Trung Kiên	Lái xe 3,5 tấn	4.918.700	27	4.918.700	516.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.822.700	
33	Phạm Văn Tỏa	Lái xei 33 tấn	5.139.200	18	3.426.133	540.000	51.000	360.000	486.000	200.000	3.881.133	
34	Trần Văn Thành	NVBH	4.610.000	27	4.610.000	484.000	46.000	540.000	729.000	200.000	5.549.000	
36	Nguyễn Thị Hồng	CNSXNU	5.539.200	27	5.539.200	582.000	55.000	540.000	729.000	200.000	6.371.200	
37	Nguyễn Hữu Bình	Lái xe 3,5 tấn	5.318.700	27	5.318.700	558.000	53.000	540.000	729.000	200.000	6.176.700	
38	Võ Bá Thanh	Lái xe 3,5 tấn	5.118.700	27	5.118.700	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
41	Trương Viết Phúc	CNBX	4.510.000	27	4.510.000	474.000	45.000	540.000	729.000	200.000	5.460.000	
42	Phan Văn Tuyển	Lái xe 3,5 tấn	4.818.700	27	4.818.700	506.000	48.000	540.000	729.000	200.000	5.733.700	
43	Trần Ngọc Anh	Lái xe 3,5 tấn	4.818.700	27	4.818.700	506.000	48.000	540.000	729.000	200.000	5.733.700	
44	Phạm Ngọc Tuân	Lái xe 33 tấn	5.039.200	27	5.039.200	529.000	50.000	540.000	729.000	200.000	5.929.200	
45	Trần Công Nguyên	NVBH	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
46	Nguyễn Tiến Thành	Lxe 31 tấn	4.939.200	27	4.939.200	519.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.840.200	
47	Đinh Chí Công	NVBH	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
48	Đậu Quang Hà	CNBX	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
49	Bạch Thanh Hải	Lái xe 31 tấn	4.939.200	27	4.939.200	519.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.840.200	
51	Lê Thị Trang	NVBH	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
52	Đặng Văn Thái	Lxe 3.5 tấn	4.718.700	27	4.718.700	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.645.700	
53	Trương Thị Hoài Phương	CNSXNU	4.718.700	27	4.718.700	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.645.700	
54	Nguyễn Hữu Thành	CNBX	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
55	Trần Thị Thúy	NVBH	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
56	Lê Văn đức	Lái xe 34 tấn	5.239.200	18	3.492.800	550.000	52.000	360.000	486.000	200.000	3.936.800	
57	Nguyễn Hữu Cảnh	Lái xe 34 tấn	4.939.200	27	4.939.200	519.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.840.200	
58	Phạm Phú Thượng	Lái xe 34 tấn	5.039.200	18	3.359.467	529.000	50.000	360.000	486.000	200.000	3.826.467	
59	Trần Văn Thông	Lái xe 34 tấn	4.939.200	27	4.939.200	519.000	49.000	540.000	729.000	200.000	5.840.200	
61	Trần Thị Nhạn	NVBH	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
62	Đặng Thế Lực	CNBX	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
63	Trương Thị Giang	CNBX	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
64	Võ Thiên Hương	CNBX	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000	540.000	729.000	200.000	5.372.000	
65	Nguyễn Văn Thuận	sửa chữa ô tô	5.118.700	27	5.118.700	537.000	51.000	540.000	729.000	200.000	5.999.700	
67	Lê Tấn Thành	Lxe 3.5 tấn	4.719.000	27	4.719.000	495.000	47.000	540.000	729.000	200.000	5.646.000	
68	Lê Văn Lâm	Lxe 31 tấn	5.240.000	27	5.240.000	550.000	52.000	540.000	729.000		5.907.000	
69	Từ Viết Bảo	NVBH	4.410.000	27	4.410.000	463.000	44.000				3.903.000	
Tổng cộng			**349.196.200**	**1.800**	**249.178.367**	**27.240.000**	**2.583.000**	**27.000.000**	**36.450.000**	**10.200.000**	**293.005.367**	

(Bằng chữ: Ba trăm tám mươi chín triệu,ba trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn./.)

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị **Kế toán**

b) Kế toán thu nhập khác

- Công ty hiện hạch toán khoản chiết khấu doanh số nhận được từ nhà cung cấp vào TK 131 – Phải thu của khách hàng là chưa phù hợp với bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Theo em, khoản chiết khấu này nên được phản ánh qua TK 331 – Phải trả

người bán nhằm đảm bảo việc theo dõi công nợ và thông tin kế toán được chính xác hơn.

- Nợ TK 331: 57.942.962
- Có TK 711 : 53.650.891
- Có TK 3331: 4.292.071

c) Kế toán chi phí khác

- Vào ngày 01/10/2025 Công ty TNHH Vương Thuận nhượng bán, thanh lý xe oto con 5 chỗ với trị giá 450.731.836 vnd

Định khoản:

- Nợ TK 2141 : 609.813.619
- Nợ TK 811 : 450.731.836
- Có TK 21113 : 1.060.454.455

- Công ty đã thực hiện ghi giảm tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán ô tô thông qua TK 2141, TK 811 và TK 21113. Tuy nhiên, công ty đã không xuất hóa đơn thanh toán nên kế toán đã không phản ánh khoản thu từ thanh lý, nhượng bán vào TK 711 – Thu nhập khác, dẫn đến nghiệp vụ kế toán chưa được ghi nhận đầy đủ theo quy định hiện hành

- Cách hạch toán vào TK 711 – Thu nhập khác

- Nợ TK 111/112/131: Tiền mặt/ tiền gửi/ phải thu khách hàng
- Có TK 711: Thu nhập khác
- Có TK 3331: Thuế GTGT

KẾT LUẬN

Trong thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty, em đã có cơ hội tiếp cận với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó, em nhận thấy công ty đã tổ chức bộ máy kế toán tương đối phù hợp, thực hiện ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như việc hạch toán một số nghiệp vụ chưa thật sự phù hợp với bản chất kinh tế phát sinh, công tác phân loại chi phí chưa chi tiết và việc kiểm tra, đối chiếu chứng từ đôi lúc chưa được thực hiện thường xuyên.

Trên cơ sở những kiến thức đã học kết hợp với quá trình tìm hiểu thực tế tại đơn vị, em đã mạnh dạn đưa ra một số nhận xét và giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty.

Do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ quý thầy cô và công ty để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo TT 133/2016/TT-BTC ban hành ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính

2. Tham khảo các bài khóa luận trên thư viện, và một số bài của anh/chị khóa trước

3. Tài liệu, sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Vương Thuận

4. Các tài liệu tham khảo từ Internet liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.